

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**

**Nội dung trình: Về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.**

HĐQTcam kết hoạt động tích cực trên tinh thần trách nhiệm cao nhằm đạt hiệu quả cao nhất cho Công ty và gia tăng giá trị cho các cổ đông. Ngoài những hoạt động thường nhật và định kỳ theo thông lệ thì trong năm 2019, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc giao cho HĐQT thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

**1. Sản xuất công nghiệp**

stt	Nội dung	Đvt	Số lượng
1	Sản lượng nước sản xuất	m <sup>3</sup>	23.076.000
1.1	Công ty sản xuất	m <sup>3</sup>	13.221.000
1.2	Mua của Công ty cổ phần Cấp nước Sài Gòn- Đan kìa	m <sup>3</sup>	9.855.000
2	Sản lượng nước ghi thu	m <sup>3</sup>	18.292.000
3	Tỷ lệ thất thoát nước	%	21
4	Thu gom xử lý nước thải	m <sup>3</sup>	3.103.000
5	Tổng doanh thu	đồng	260.762.000.000

Chi tiết khác xem phụ lục 1C đính kèm

**2. Quỹ lương:**

- 2.1. Tổng quỹ lương : 50.541.000.000 đồng  
- Quỹ lương CB-CNV : 48.602.000.000 đồng  
- Quỹ lương Ban điều hành : 1.939.000.000 đồng  
2.2. Thu nhập bình quân toàn Công ty: 11.200.000 đồng /người/ tháng

**3. Lợi nhuận:**

- 3.1. Lợi nhuận trước thuế : 27.296.000.000 đồng  
3.2. Lợi nhuận sau thuế : 21.836.800.000 đồng

**4. Cổ tức:** : 1,5%

**5. Các hạng mục công trình đầu tư mới và cải tạo nâng cấp, Sửa chữa lớn:**

- Đầu tư năm 2019 chuyển sang: 03 hạng mục, tổng giá trị 249.000.000.000 đồng.  
- Đầu tư năm 2020: 22 hạng mục, tổng giá trị 24.900.000.000 đồng.  
- Các hạng mục sửa chữa lớn năm 2020:  
+ Đầu tư năm 2019 chuyển sang: 02 hạng mục, tổng giá trị 2.150.000.000 đồng.

+Các công trình đầu tư năm 2020: 17 hạng mục, tổng giá trị 11.500.000.000 đồng.

Trong đó các hạng mục chính như:

- +Nâng công suất NMN ĐanKia-Suối vàng.
- +Đầu tư xây dựng Nhà máy nước Phát Chi.
- +Triển khai việc lắp đặt tuyến ống chuyển tải D800mm , chiều dài 7,2 km từ Nhà máy nước Đan Kia lên đến bể chứa Tùng Lâm.

Các chi tiết khác xem Phụ lục 1A, 1B đính kèm.

Trân trọng kính trình!

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, Ban KS;
- BDH;
- CBTT;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, P Hoàng.





KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2020  
CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA LỚN  
TẠI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TRỰC THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG  
( Kèm theo Tờ trình số . . . /TTr-CTN, ngày 22/11/2019 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng)

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Mức đầu tư (Tỷ VNĐ)	Ghi chú
<b>I. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ NĂM 2019 - chuyển sang 2020</b>							
<b>A</b>	<b>ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT</b>				<b>2,150</b>	<b>2,150</b>	
1	Sửa chữa máy phát điện 500 KVA	gói	1	0,150	0,150	0,150	Đang thực hiện
2	Sửa chữa, cải tạo NMN Than Thở phần XD	gói	1	2,000	2,000	2,000	Đang thực hiện
<b>TỔNG HẠNG MỤC I</b>					<b>2,150</b>	<b>2,150</b>	
<b>II. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ NĂM 2020</b>							
<b>A</b>	<b>ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT</b>				<b>13,224</b>	<b>8,254</b>	
<b>1</b>	<b>Nhà máy nước Đan Kia</b>						
1.1	Chống thấm cho nhà lọc, trạm bơm cấp 2, trạm hóa chất	m2	50	0,003	0,150	0,150	
1.2	Thay mới các trục van thu nước trạm bơm cấp 1 bằng vật liệu Inox 304	bộ	3	0,010	0,030	0,030	
1.3	Làm mới hệ thống lưới chắn rác hòng bơm cấp I bằng vật liệu Inox	bộ	2	0,040	0,080	0,080	
<b>2</b>	<b>Tại Thành phố Đà Lạt</b>						
2.1	Cải tạo tuyến ống gang D150mm từ bể Resimer tới Phan Bội Châu	100m	2,5	0,131	0,327	0,327	
2.2	Cải tạo tuyến ống gang D150mm đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Lý Tự Trọng đến Ngã năm đại học	100m	15,0	0,131	1,965	1,965	
2.3	Cải tạo tuyến D200mm PVC vào Thị trấn Lạc Dương	100m	5,0	0,146	0,732	0,732	
2.4	Cải tạo hệ thống cấp nước: các điểm bất lợi, thiếu nước (42 vị trí-theo bảng chi tiết đính kèm)	gói	1	9,940	9,940	4,970	
<b>B</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC ĐƠN DƯƠNG</b>				<b>0,020</b>	<b>0,020</b>	
1	Hệ thống dây dẫn điện bảo vệ + thay thế hệ thống ống nhà hóa chất (Trạm cấp nước D'ran)	gói	1,0	0,020	0,020	0,020	
<b>C</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC LÂM HÀ</b>				<b>0,968</b>	<b>0,484</b>	
	Cải tạo các tuyến ống nhánh STK D60 bằng HDPE D63 (2.200m), cụ thể:						





1	Tuyến ống đường Hùng Vương	100m	5,0	0,044	0,220	0,110
2	Tuyến ống đường Đồng Tâm	100m	6,0	0,044	0,264	0,132
3	Tuyến ống đường Tân Tiến - Đoàn Kết	100m	8,0	0,044	0,352	0,176
4	Tuyến ống hẻm Chợ (Nguyễn Việt Xuân)	100m	1,0	0,044	0,044	0,022
5	Tuyến ống đường TDP Sre Nhắc	100m	2,0	0,044	0,088	0,044
<b>D</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC ĐAM RÔNG</b>				<b>0,200</b>	<b>0,200</b>
1	Sơn chống thấm 04 bề lẳng đứng, bề chứa nước sạch 300 m3	100m2	3,5	0,057	0,200	0,200
<b>E</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC BẢO LÂM</b>				<b>5,124</b>	<b>2,562</b>
1	Cải tạo tuyến ống D110 HDPE hướng từ ngã ba Hùng Vương - Lạc Long Quân vào chợ Lộc Quảng	100m	18,0	0,103	1,854	0,927
2	Cải tạo nâng cấp tuyến ống D110 HDPE mở rộng vùng cung cấp nước thôn 2-11 nằm trên đường tỉnh ĐT.725	100m	16,0	0,095	1,520	0,760
3	Cải tạo tuyến ống dịch vụ HDPE từ D25 -D63 các thôn xã Lộc Ngãi và Thị trấn Lộc Thắng.	100m	70,0	0,025	1,750	0,875
<b>TỔNG HẠNG MỤC II</b>					<b>19,536</b>	<b>11,520</b>
<b>TỔNG CỘNG (I+II)</b>					<b>21,686</b>	<b>13,670</b>

**Bảng chữ: Mười ba tỷ sáu trăm bảy mươi triệu đồng./.**

\* Ghi chú: Các hạng mục công trình lắp đặt tuyến ống cấp nước phát triển khách hàng, cải tạo hệ thống cho các điểm nước yếu, thiếu nước: thực hiện theo phương thức Xã hội hóa (Công ty và nhân dân cùng đầu tư) với tỷ lệ tạm tính là 50-50%. Tùy tình trường hợp cụ thể mức đầu tư của Công ty sẽ được điều chỉnh giảm từ 20 ÷ 80% phụ thuộc vào tính chất Công trình và địa hình đầu tư.

**PHÒNG KẾ HOẠCH-KINH DOANH**

**PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ TOÁN**

Lâm Đồng, ngày 01 tháng 11 năm 2019.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- Hội đồng Quản trị Cty;
- Ban Điều hành Cty;
- Kiểm soát viên Cty;
- Các Phòng chức năng Cty;
- Các đơn vị TV (có trong DS);
- Lưu VT.

*Trần Hoàng*

*Bùi Hoàng Trường Vi*



*Võ Quốc Trang*



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2020  
CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ MỚI & CẢI TẠO NÂNG CẤP  
TẠI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TRỰC THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG  
( Kèm theo Tờ trình số ... /TTr-CTN, ngày /11/2019 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng)**

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Mức đầu tư (Tỷ VNĐ)	Ghi chú
<b>I/. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ NĂM 2019 - chuyển sang 2020</b>							
<b>A</b>	<b>ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT</b>				<b>286,950</b>	<b>286,950</b>	
1	Lắp đặt tuyến ống đầy Suối Vàng - Tunnel Lâm D800mm	km	7,2	21,076	151,748	151,748	
2	Cải tạo Nâng công suất NMN DanKia - Suối vàng GD III lên 49.000 m3/ngđ	gói	1	120,202	120,202	120,202	
3	Xây dựng NMN Phát Chi - Trạm Hành (2.000 m3/ng.đ)	CT	1	15,000	15,000	15,000	
<b>TỔNG HẠNG MỤC I</b>					<b>286,950</b>	<b>286,950</b>	
<b>II/. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ NĂM 2020</b>							
<b>A</b>	<b>ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT</b>				<b>5,300</b>	<b>5,300</b>	
1	Xây dựng nhà kho chứa hóa chất - Nhà máy nước Đa thiện	HM	1	0,102	0,102	0,102	
2	Lắp đặt tuyến ống D150 đầu nối khu Quy hoạch dân cư Phạm Hồng Thái	100m	5,0	0,131	0,654	0,654	
3	Lắp đặt tuyến ống D150 đầu nối khu Quy hoạch phân khu D (khu đất ở hỗn hợp) thuộc khu Văn hóa – Thể thao tỉnh Lâm Đồng	100m	10,0	0,131	1,308	1,308	
4	Lắp đặt tuyến ống D150 đầu nối Khu dân cư-tái định cư 5B - An Bình - phường 3, 4 - thành phố Đà Lạt	100m	20,0	0,131	2,616	2,616	
5	Trang bị xe ben hiệu Suzuki 550 kg	Chiếc	2	0,310	0,620	0,620	
<b>B</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC ĐƠN DƯƠNG</b>				<b>0,595</b>	<b>0,320</b>	
1	Lắp đặt tuyến ống D63 HDPE Thôn Quảng Lạc TT D'Ran (120 hộ)	100m	17,0	0,025	0,425	0,2125	



STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Mức đầu tư (Tỷ VNĐ)	Ghi chú
2	Lắp đặt tuyến ống D63 HDPE đường Huỳnh Thúc Kháng TT Thạnh Mỹ (27 hộ)	100m	3,0	0,025	0,075	0,0375	
3	Lắp đặt tuyến ống D63 HDPE đường Thế Lữ TT Thạnh Mỹ (24 hộ)	100m	2,0	0,025	0,050	0,0250	
4	Xây dựng Kho vật tư - Văn phòng Thạnh Mỹ (KT: 14mx5m)	gói	1,0	0,045	0,045	0,0450	
<b>C</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC ĐAM RÔNG</b>				<b>0,300</b>	<b>0,150</b>	
1	Lắp đặt tuyến ống D63 vào nhánh cột sóng 3 đài truyền hình	100m	5,0	0,060	0,300	0,150	
<b>D</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC BẢO LÂM</b>				<b>18,000</b>	<b>18,000</b>	
1	Xây dựng nhà máy xử lý nước mặt (CS: 3.000 m3/ng.đ) - khai thác từ nguồn nước hồ 07 mẫu	CT	1	15,000	15,000	15,000	
2	Lắp đặt tuyến ống nước thô từ hồ 07 mẫu về trạm xử lý giếng G5 - D250mm HDPE	100m	15,0	0,200	3,000	3,000	
<b>E</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC ĐẠ HUOAI</b>				<b>0,834</b>	<b>0,417</b>	
<b>1</b>	<b>Tại thị trấn Đạm Ri</b>						
1.1	Lắp đặt tuyến ống D63 HDPE khu vực Chợ đường Lê Lợi (24 hộ)	100m	1,2	0,020	0,024	0,012	
1.2	Lắp đặt tuyến ống D63 HDPE đường Nguyễn Văn Cừ (49 hộ)	100m	9,7	0,020	0,194	0,097	
1.3	Lắp đặt tuyến ống D63 HDPE đường Nơ Trang Long (40 hộ)	100m	8,0	0,020	0,160	0,080	
<b>2</b>	<b>Tại thị trấn Ma đa Guôi</b>						
2.1	Lắp đặt tuyến ống D63 HDPE đường Nguyễn Tri Phương (46 hộ)	100m	12,4	0,020	0,248	0,124	
2.2	Lắp đặt tuyến ống D63 HDPE đường Phạm Ngũ Lão (31 hộ)	100m	3,0	0,020	0,060	0,030	
2.3	Lắp đặt tuyến ống D63 HDPE đường Nguyễn Thái Học (36 hộ)	100m	7,4	0,020	0,148	0,074	
<b>G</b>	<b>NHÀ MÁY NƯỚC ĐẠ TÈH</b>				<b>1,435</b>	<b>0,718</b>	
1	Lắp đặt tuyến ống HDPE D63 dọc theo hai bên mép đường – Đẩu nổi từ đường 3/2 đến đường Phạm Ngọc Thạch (công dọc 2 bên mép đường): 154 hộ	100m	10,0	0,035	0,350	0,175	
2	Lắp đặt ống băng đường nhựa và lắp ống D63mm chạy dọc theo mé bên phải đường 26/3 :: 100 hộ	100m	8,0	0,035	0,280	0,140	
3	Lắp đặt tuyến ống D63mm bên trái đường Phạm Ngọc Thạch (TL 721) từ ngã ba Bảy xị đến phòng cháy chữa cháy :: 120 hộ	100m	18,0	0,035	0,630	0,315	

000174 - C  
 NG TY  
 PHẦN  
 OAT NƯỚC  
 ĐÔNG  
 T. LAM Đ



STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VND)	Giá trị (Tỷ VND)	Mức đầu tư (Tỷ VND)	Ghi chú
4	Lắp đặt tuyến ống D63mm hai bên hèm bê tông nhựa bên hông nhà văn hóa vào tới ngã ba nhà may Sỹ Liên; Diềm đầu nối từ đường 3/2: 45 hộ	100m	5,0	0,035	0,175	0,088	
<b>TỔNG HẠNG MỤC II</b>					<b>26,464</b>	<b>24,905</b>	
<b>TỔNG CỘNG (I+II)</b>					<b>313,414</b>	<b>311,855</b>	

**Bảng chữ: Ba trăm mười ba tỷ bốn trăm mười bốn triệu đồng./.**

**\* Ghi chú:**

-I-A- 1,2,3: Công trình chuyên tiếp: Đã được UBND tỉnh phê duyệt phương án CPH tại quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 và đã được đại hội đồng cổ đông năm 2018 thông qua tại nghị quyết số 01/2019/NQ-DHCD ngày 20/6/2019.

-II-B1,2,3-C-E-G: Các hạng mục công trình lắp đặt tuyến ống cấp nước phát triển khách hàng, cải tạo hệ thống cho các điểm nước yếu, thiếu nước: thực hiện theo phương thức Xã hội hóa (Công ty và nhân dân cùng đầu tư) với tỷ lệ tạm tính là 50-50%. Tùy từng trường hợp cụ thể mức đầu tư của Công ty sẽ được điều chỉnh giảm từ 20 ÷ 80% phụ thuộc vào tính chất Công trình và địa hình đầu tư.

- II-A- 1,2,3,4: Đầu tư mới khu quy hoạch do giải phóng mặt bằng các điểm khác di dân đến điểm mới.

- II-D: Đầu tư mới do thay thế nguồn nước ngầm được đầu tư từ năm 2000; Hiện nay công suất thực tế giảm còn 10m<sup>3</sup>/h/giếng. Trong quá trình thời gian để nâng công suất nhưng vẫn không đạt do địa chất đất....

- Bảng thuyết minh cho các hạng mục đầu tư của các đơn vị thành viên đính kèm.

**PHÒNG KẾ HOẠCH-KINH DOANH**

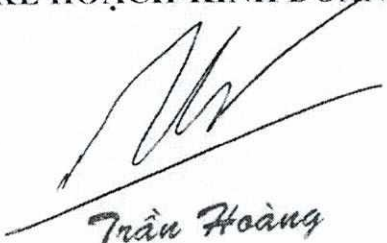
**PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ TOÁN**

Lâm Đồng, ngày 01 tháng 11 năm 2019

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Hội đồng Quản trị Cty;
- Ban Điều hành Cty;
- Kiểm soát viên Cty;
- Các Phòng chức năng Cty;
- Các đơn vị TV (có trong DS);
- Lưu VT.

  
Trần Hoàng



Bùi Hoàng Trường Vũ



Võ Quốc Trang



## KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Căn cứ tình hình thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 như sau:

Stt	Chi Tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019			Kế hoạch năm 2020	So sánh KH 2020/TH 2019 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	So sánh TH 2019/KH 2019 (%)		
(A)	(B)		(1)	(2)	(3)=(2)/(1)*100	(4)	(5)=(4)/(3)*100
<b>I. THÔNG TIN CHUNG</b>							
1	Nước sản xuất	1.000 m <sup>3</sup>	23.372	22.959	98,23	23.076	100,51
1.1	- Nước Công ty sản xuất	1.000 m <sup>3</sup>	14.247	13.772	96,67	13.221	96,00
1.2	- Nước mua Sài Gòn Đankia	1.000 m <sup>3</sup>	9.125	9.187	100,68	9.855	107,27
2	Nước ghi thu- tiêu thụ	1.000 m <sup>3</sup>	18.229	17.759	97,42	18.292	103,00
3	Tỷ lệ thất thoát	%	22,00	22,65	102,94	21	91,54
4	Giá bán bình quân	Đồng/m <sup>3</sup>	11.409	12.462	109,23	12.462	100
<b>II. DOANH THU SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP</b>			<b>238.058</b>	<b>253.670</b>	<b>106,56</b>	<b>260.771</b>	<b>102,80</b>
1	Kinh doanh nước sạch	Tr đồng	207.977	221.320	106,42	227.960	103,00
2	Xây dựng, lắp đặt HTCN	Tr đồng	11.513	13.793	119,80	14.069	102,00
3	Xử lý nước thải	Tr đồng	18.368	17.752	96,65	17.930	101,00
4	Khác	Tr đồng	200	805	402,50	813	101,00
<b>III. LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP</b>			<b>17.370</b>	<b>44.388</b>	<b>255,54</b>	<b>24.500</b>	<b>55,20</b>
1	Kinh doanh nước sạch	Tr đồng	7.000	3.120	44,57	3.182	102,00
2	Xây dựng, lắp đặt HTCN	Tr đồng	300	368	122,67	375	102,00
3	Xử lý nước thải	Tr đồng	1.800	966	53,67	976	101,00
4	Khác	Tr đồng	8.270	39.934	482,88	19.967	50,00
<b>IV. TỔNG QUỸ TIỀN LƯƠNG</b>			<b>49.551</b>	<b>49.550</b>		<b>50.541</b>	<b>102,00</b>
1	Tổng quỹ tiền lương CB-CNV	Tr đồng	47.650	47.649	100	48.602	102,00
	- Quỹ lương sản xuất nước	Tr đồng	31.576	31.576	100	32.208	102,00
	- Quỹ lương xây dựng cơ bản ống cái	Tr đồng	3.332	1.000	30	1.000	100,00
	- Quỹ lương ống nhánh khách hàng chi trả	Tr đồng	4.096	4.261	104	4.261	100,00
	- Quỹ lương xử lý nước thải	Tr đồng	8.646	8.646	100	8.646	100,00
2	Tổng quỹ tiền lương ban điều hành	Tr đồng	1.901	1.901	100	1.939	102,00
<b>IV. THU NHẬP BÌNH QUÂN</b>			<b>9,15</b>	<b>10,30</b>	<b>112,58</b>	<b>11,12</b>	<b>108,00</b>

## THUYẾT MINH

Sản lượng nước thực hiện năm 2019

## 1 Mục I.1; 1.1 và 1.2

- Sản lượng nước mua của Cty CP Sài Gòn Đankia 2 năm 2020 tăng từ 25.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm lên 27.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm theo Văn bản số 7517/VB-UBND ngày 15/11/2019 của UBND Tỉnh Lâm Đồng

## 2 Mục I.3

Tỷ lệ thất thoát nước năm 2020 theo đúng phương án cổ phần hóa được duyệt 21%/năm

## 3 Mục III

Lợi nhuận giảm do:

- Do giảm lãi tiền gửi ngân hàng khoản tiền do bán cổ phần khi thực hiện cổ phần hóa Cty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Lâm Đồng

- Công ty sẽ dùng tiền gửi này đầu tư vào các công trình xây dựng cơ bản trong năm 2020 như sau:

- + Cải tạo nâng công suất NMN Đankia - Suối Vàng giai đoạn III lên 49.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- + Lắp đặt tuyến ống đẩy Suối Vàng - Tuyến Lâm D800mm
- + Xây dựng NMN Phát Chi - Trạm Hành (2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm)

P. KẾ HOẠCH KINH DOANH

P. TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN HOÀNG

Bùi Hoàng Trường Vũ

Võ Quốc Trang





TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

Nội dung trình: Về việc thông qua Báo cáo quyết toán thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2019, Kế hoạch chi trả thù lao năm 2020

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;

Căn cứ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty;

Căn cứ vào qui mô quản lý tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng đến tháng 4/2020 là 788.000.000.000 đồng.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng (HĐQT) kính trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua chi phí trả thù lao cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát (BKS) và Thư ký HĐQT năm 2019 và dự kiến mức chi trả cho năm 2020 như sau:

I. Thù lao HĐQT, thành viên BKS, thư ký HĐQT và tiền lương Trưởng BKS năm 2019:

STT	Đối tượng hưởng	Số người	Kế hoạch (đồng)	Thực hiện (đồng)	So sánh TH/KH (%)
I	Thù lao				
1	HĐQT		432.000.000	432.000.000	100
	+ Chủ tịch	01	120.000.000	120.000.000	100
	+ Phó Chủ tịch	01	96.000.000	96.000.000	100
	+ Thành viên	03	216.000.000	216.000.000	100
2	Thành viên BKS	02	96.000.000	96.000.000	100
3	Thư ký HĐQT	01	24.000.000	24.000.000	100
II	Tiền lương của Trưởng BKS	01	300.000.000	300.000.000	100
	Tổng (I)+(II)		852.000.000	852.000.000	100

II. Thù lao HĐQT, thành viên BKS và tiền lương Trưởng Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT năm 2020: Căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán, nhận thấy quy mô tài chính của Công ty khá lớn, doanh thu có giá trị cao và tăng từ 5% đến 10% hàng năm cụ thể:

- Tổng tài sản: 1.542.353.634.300 đồng



- Vốn chủ sở hữu: 1.202.108.741.444 đồng
- Doanh thu năm 2019: 253.670.268.627 đồng.

Năm 2019 với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt khá tốt cho thấy mức độ tác động vào hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty từ sự quản lý, chỉ đạo của HĐQT, hoạt động kiểm soát của BKS đã tạo sự tương tác tích cực lên đòn bẩy tài chính của Công ty. Vì vậy, việc làm tăng hiệu quả cơ chế kiểm soát của cơ cấu quản trị Công ty nhằm gia tăng lợi nhuận trong hoạt động một cách phù hợp với quy mô và tính chất hoạt động kinh doanh Công ty là thật sự cần thiết mà trong đó việc điều chỉnh giá trị thù lao, tiền lương tương thích đối với những người tham gia trong HĐQT và BKS là một trong những giải pháp quản trị chính yếu; bên cạnh đó với sự phát triển của Công ty thì Thư ký HĐQT không chỉ là người ghi chép thuần túy như trước đây mà còn là người cung cấp, hướng dẫn chuyên môn cho cổ đông, tham mưu có tính chiến lược kinh doanh, kế sách hoạt động cho HĐQT cũng như các bên có quyền lợi liên quan khác nhằm đảm bảo tính tuân thủ trong hoạt động của công ty; Thư ký HĐQT phải nắm bắt sâu sắc các thay đổi của các quy định pháp lý, phát hiện, đưa ra các cảnh báo, cũng như công khai các nội dung liên quan đến xung đột lợi ích tại Công ty... vì vậy HĐQT đề xuất một số vấn đề liên quan như sau:

1. Điều chỉnh mức thù lao cho HĐQT và thành viên BKS cụ thể như sau:

STT	Đối tượng thụ hưởng	Giá trị áp dụng năm 2019	Giá trị áp dụng năm 2020
1	Chủ tịch HĐQT	10.000.000 đồng/ tháng	30.000.000 đồng/ tháng
2	Phó Chủ tịch HĐQT	8.000.000 đồng/ tháng	24.000.000 đồng/ tháng
3	Thành viên HĐQT	6.000.000 đồng/ tháng	18.000.000 đồng/ tháng
4	Thành viên BKS	4.000.000 đồng/ tháng	12.000.000 đồng/ tháng

2. Điều chỉnh tiền lương của Trưởng ban kiểm soát như sau:

- Giá trị áp dụng năm 2019 là: 25.000.000 đồng/tháng
- Giá trị áp dụng cho năm 2020 là: 30.000.000 đồng /tháng

3. Chuyển hình thức kiêm nhiệm của chức danh Thư ký HĐQT thành hình thức chuyên trách đối với chức danh Thư ký HĐQT, người thực hiện nhiệm vụ này được hưởng mức lương là: 15.000.000 đồng/tháng.

4. Thời gian áp dụng: từ tháng 5/2020

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, Ban KS;
- BDH;
- CBTT;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Tky HĐQT.





**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**

***Nội dung trình:*** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2019 và kế hoạch tài chính, phân phối lợi nhuận và dự kiến cổ tức năm 2020

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng.

Hội đồng quản trị kính trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua **qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2019 và kế hoạch tài chính, phân phối lợi nhuận và dự kiến chia cổ tức năm 2020** như sau:

**I. Phương án trích phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2019**

**1. Phân phối lợi nhuận:**

*Đơn vị: VNĐ*

Stt	Nội Dung	Số Tiền
1	Lợi nhuận sau thuế năm nay	35.286.678.254
2	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	26.161.542
3	Dự kiến phân phối lợi nhuận năm nay (1)+(2)	35.312.839.796
	Trong đó:	
3.1	Quỹ đầu tư phát triển (15% LNST) (3)*15%	5.297.000.000
3.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (30% LNST) (3)*30%	10.594.000.000
	+ Quỹ khen thưởng (90%)	9.534.600.000
	+ Quỹ phúc lợi (10%)	1.059.400.000
3.3	Thưởng vượt kế hoạch cho Hội đồng quản trị, thư ký hội đồng quản trị và Ban kiểm	313.500.000



	soát.		
3.4	Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức	(3)-(3.1)-(3.2)-(3.3)	19.108.339.796
4	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ (%)	(4.4)/VĐL	2,43

**Ghi chú:** Mục 3.3: Tổng mức thưởng hội đồng quản trị, ban kiểm soát và thư ký hội đồng quản trị năm 2019: 313.500.000 đồng (Chiếm 0,89% của lợi nhuận sau thuế 2019 và chiếm 1,75% của lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch 2019).

## 2. Đề xuất mức chi trả cổ tức, thời điểm và hình thức chia cổ tức năm 2019

- Đề xuất mức cổ tức chi trả năm 2019: 2,43% vốn điều lệ
- Thời gian chi trả cổ tức: Dự kiến trong tháng 06 năm 2020.
- Thực hiện việc chia cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt.

## II. Kế hoạch tài chính, phân phối lợi nhuận và dự kiến chia cổ tức năm 2020:

### 1. Kế hoạch tài chính

Đvt: VND

Stt	Nội Dung	Số Tiền
1	Doanh thu hoạt động SXKD	260.090.000.000
2	Lợi nhuận kế toán trước thuế	27.296.000.000
3	Lợi nhuận kế toán sau thuế	21.836.800.000

### 2. Phân phối lợi nhuận

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 15% của lợi nhuận sau thuế 2020.
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 30% của lợi nhuận sau thuế 2020.
- Trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký HĐQT.

### 3. Mức chi cổ tức 2020: Dự kiến từ 1,5% trên vốn điều lệ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

#### Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, Ban KS;
- BDH;
- CBTT;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, P Hoàng.





Số: 04 /TTr-HĐQT

Đà Lạt, ngày 23 tháng 03 năm 2020

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**

**Nội dung trình: Thông qua mức đề xuất thưởng do hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2019 cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Thư Ký HĐQT và mức dự kiến thưởng cho năm 2020**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;

Căn cứ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (Công ty) trên cơ sở báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019 do Công ty lập đã được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC với các chỉ tiêu về kết quả hoạt động chủ yếu sau:

Stt	Chỉ Tiêu	Kế hoạch (đồng)	Thực hiện (đồng)	So sánh TH/KH	
				Số tuyệt đối (đồng)	(%)
1	Tổng doanh thu sản xuất công nghiệp	238.058.000.000	253.670.000.000	15.612.000.000	107,92
2	Lợi nhuận sau thuế sản xuất công nghiệp	17.370.000.000	35.286.000.000	17.916.000.000	203,14
3	Giá bán bình quân (đồng/m <sup>3</sup> )	11.409	12.461	1.052	109,22

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng (HĐQT) kính trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua mức đề xuất thưởng khi hoàn thành vượt mức kế hoạch cho HĐQT, Ban Kiểm Soát và Thư Ký HĐQT với mức đề xuất thưởng như sau:

1. Năm 2019: **313.500.000 đồng** (Ba trăm mười ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Mức thưởng này chiếm 0,89% của lợi nhuận sau thuế 2019 và chiếm 1,75% của lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch 2019.

2. Năm 2020: khi thực hiện vượt chỉ tiêu lợi nhuận trên 10% của kế hoạch 2020, thì mức thưởng đề xuất là 1% của lợi nhuận sau thuế năm 2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, Ban KS;
- BDH;
- CBTT;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, P Hoàng.





Số: 05 /TTr-HĐQT

Đà Lạt, ngày 23 tháng 03 năm 2020

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023

Kính thưa: **Đại hội đồng cổ đông**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/06/2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 22/06/2018;

Căn cứ Đơn từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát của bà Nguyễn Hải Tâm.

Hội đồng quản trị công ty cổ phần cấp thoát nước Lâm Đồng (HĐQT) kính trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 xem xét và biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung 01 thành viên Ban Kiểm soát Công ty:

1. Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát giữa nhiệm kỳ: ngày 10/3/2020 Công ty cổ phần cấp thoát nước Lâm Đồng (Công ty) có nhận được đơn xin từ chức thành viên Ban Kiểm soát công ty cổ phần cấp thoát nước Lâm Đồng (BKS) của bà Nguyễn Hải Tâm là thành viên BKS với lý do bận nhiệm vụ công tác khác. Để đảm bảo việc miễn nhiệm thành viên BKS đúng quy định của pháp luật, HĐQT thống nhất kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 chấp thuận việc miễn nhiệm chức danh thành viên BKS đối với bà Nguyễn Hải Tâm.

2. Bầu cử bổ sung thành viên BKS thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023: Để đảm bảo số lượng thành viên BKS theo Điều lệ công ty, HĐQT kính trình Đại hội cổ đông cho bổ sung thành viên BKS thay thế cho thành viên được Đại hội cổ đông chấp thuận miễn nhiệm theo quy trình được quy định tại Điều lệ Công ty.

Trân trọng kính trình!

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, Ban KS;
- BDH;
- CBTT;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, P Hoàng.





Số: 05 /TTr-HĐQT

Đà Lạt, ngày 23 tháng 03 năm 2020

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023

Kính thưa: **Đại hội đồng cổ đông**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/06/2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 22/06/2018;

Căn cứ Đơn từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát của bà Nguyễn Hải Tâm.

Hội đồng quản trị công ty cổ phần cấp thoát nước Lâm Đồng (HĐQT) kính trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 xem xét và biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung 01 thành viên Ban Kiểm soát Công ty:

1. Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát giữa nhiệm kỳ: ngày 10/3/2020 Công ty cổ phần cấp thoát nước Lâm Đồng (Công ty) có nhận được đơn xin từ chức thành viên Ban Kiểm soát công ty cổ phần cấp thoát nước Lâm Đồng (BKS) của bà Nguyễn Hải Tâm là thành viên BKS với lý do bận nhiệm vụ công tác khác. Để đảm bảo việc miễn nhiệm thành viên BKS đúng quy định của pháp luật, HĐQT thống nhất kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 chấp thuận việc miễn nhiệm chức danh thành viên BKS đối với bà Nguyễn Hải Tâm.

2. Bầu cử bổ sung thành viên BKS thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023: Để đảm bảo số lượng thành viên BKS theo Điều lệ công ty, HĐQT kính trình Đại hội cổ đông cho bổ sung thành viên BKS thay thế cho thành viên được Đại hội cổ đông chấp thuận miễn nhiệm theo quy trình được quy định tại Điều lệ Công ty.

Trân trọng kính trình!

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, Ban KS;
- BDH;
- CBTT;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, P Hoàng.





**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**

Nội dung trình: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng kính trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua Báo cáo Tài chính năm 2019 của Công ty đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC kiểm toán theo đúng các quy định hiện hành với các nội dung như sau:

Stt	Chi Tiêu	Số Tiền
<b>A</b>	<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	
I	Vốn điều lệ	788.000.000.000
II	Vốn chủ sở hữu	1.202.108.741.444
III	Tổng tài sản	1.542.353.634.300
1	Tài sản ngắn hạn	616.215.717.676
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	16.316.219.565
	- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	537.708.346.943
	- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	43.596.740.716
	- Hàng tồn kho	18.117.169.626
	- Tài sản ngắn hạn khác	477.240.826
2	Tài sản dài hạn	926.137.916.624
	- Tài sản cố định	889.963.467.603
	- Tài sản dở dang dài hạn	1.839.955.408
	- Đầu tư tài chính dài hạn	11.125.252.238
	- Tài sản dài hạn khác	23.209.241.375
<b>B</b>	<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	



1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	253.670.268.627
2	Giá vốn hàng bán	207.311.281.488
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	46.358.987.139
4	Doanh thu hoạt động tài chính	41.057.283.852
5	Chi phí tài chính	19.476.501.987
6	Chi phí bán hàng	5.313.638.391
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.919.028.650
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	44.707.101.963
9	Thu nhập khác	1.546.243.985
10	Chi phí khác	1.864.638.394
11	Lợi nhuận khác	(318.394.409)
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44.388.707.554
13	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.102.029.300
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.286.678.254
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/cổ phiếu)	444

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo tài chính.

Riêng ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán, Tổng giám đốc đã có bản giải trình đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, Ban KS;
- BDH;
- CBTT;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, P Hoàng.





**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**

*Kính thưa: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG*

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (HĐQT) xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về hoạt động của HĐQT trong năm 2019 và định hướng hoạt động trong năm 2020 như sau:

**A. Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2019:**

**I. Đánh giá về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2019:**

1. Đánh giá chung: Trong năm 2019, thực hiện quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, HĐQT đã duy trì họp định kỳ mỗi quý ít nhất một lần theo quy định tại Điều lệ Công ty để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với sự tham gia của Ban Điều hành (BDH). HĐQT đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên, tăng cường vai trò tham mưu của các Cán bộ quản lý cấp Phòng, đơn vị trực thuộc. Các Thành viên HĐQT cũng đã có nhiều cố gắng hoàn thành chức trách của mình, hành động vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Công ty và đời sống của Người lao động.

Các cuộc họp HĐQT được thực hiện một cách cẩn trọng, nghiêm túc tập trung chính vào công tác quản trị doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư phát triển sản xuất và quản trị nhân sự ... theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty qua đó giải quyết kịp thời các vấn đề trọng tâm liên quan đến chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 như: rà soát thực hiện chiến lược phát triển công ty theo nội dung phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt; chỉ đạo thực hiện việc sắp xếp hoàn thiện bộ máy, cơ cấu tổ chức công ty tinh gọn phù hợp nhất với hoạt động của Công ty. Các Nghị quyết được HĐQT thống nhất đưa ra tại các cuộc họp là những định hướng quan trọng giúp BDH tổ chức thực hiện hoàn thành vượt kế hoạch một số chỉ tiêu quan trọng của năm 2019 của Công ty như: Bảo đảm việc cung cấp nước cho các địa bàn hoạt động, phát triển khách hàng và lợi nhuận tăng 149% so với năm 2018, vượt kế hoạch 200%, Công ty từng bước ổn định công tác tổ chức, thu nhập bình quân của người lao động tăng 1,15tr/người/tháng so với thu nhập bình quân của năm 2018.

Ngoài các phiên họp HĐQT trên, HĐQT đã thông qua các quyết định theo phương thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo, giải quyết nhiều vấn đề khác có liên quan đến các định hướng lớn về quản trị doanh nghiệp và các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời chỉ đạo, quản lý giám sát hoạt động của BDH trong việc thực thi các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT năm 2019: Trong năm 2019, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp, trường hợp Ông Dương Tiến Dũng cư trú tại nước ngoài nên có một số cuộc họp đột xuất không sắp xếp kịp dự họp tuy nhiên Ông đã đóng góp nhiều ý kiến qua điện thoại, thư điện tử... Nhìn chung các thành viên HĐQT đã phát huy tinh thần trách nhiệm, năng lực lãnh đạo vì lợi ích của cổ đông và vì sự phát triển bền vững của Công ty.



Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành các trách nhiệm chung đối với các hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao theo sự phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT, cụ thể:

2.1. Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và quy chế hoạt động ... Chủ tịch HĐQT có nhiều buổi làm việc với BĐH và các cấp quản lý tại văn phòng Công ty cũng như trực tiếp đi kiểm tra các dự án, công trường để có cơ sở trong việc chỉ đạo, kiểm tra, rà soát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị, tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành các Nghị quyết, quyết định, thông báo của HĐQT; chỉ đạo, quản lý và giám sát Ban điều hành thực hiện các Nghị quyết của HĐQT; tư vấn cho HĐQT đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền.

2.2. Các thành viên HĐQT được giao trực tiếp điều hành Công ty gồm các ông Võ Quốc Trang (Tổng giám đốc), Nguyễn Hùng Cường (Phó tổng giám đốc) đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao cụ thể BĐH đã thể hiện tinh thần đoàn kết, sáng tạo, tâm huyết, dám nghĩ dám làm nhưng vẫn tuân thủ đối với các nguyên tắc kế toán, quy định về quản trị, điều hành, tuân thủ nghiêm túc chủ trương của HĐQT.

Các quyết sách của HĐQT được BĐH triển khai quyết liệt nhưng thận trọng, chắc chắn nhưng không thiếu sự linh hoạt. Kết quả đạt được khá tốt đã củng cố được lòng tin từ khách hàng, cổ đông, tạo được hiệu ứng làm việc sôi nổi. Kết quả thực hiện một số mặt như sau:

- Đã cụ thể hóa mục tiêu và có các biện pháp triển khai kế hoạch kinh doanh, tăng cường công tác quản lý tài chính,... hướng đến mục tiêu của HĐQT đề ra là triển khai cấp nước an toàn, kinh doanh hiệu quả và phát triển bền vững, ưu tiên chống thất thoát tại khu vực thành phố Đà Lạt, ổn định cấp nước và có doanh thu cao ở các đô thị vùng xa. Tập trung chỉ đạo hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông giao.

- Kiện toàn bộ máy tổ chức theo hướng tăng tính chủ động cho các đơn vị thành viên như mạnh dạn áp dụng mô hình phân khu tại khu vực Đà Lạt- Lạc Dương (chia nhỏ quản lý mỗi nhón hạn chế quản lý giao quyền như trước đây); thay đổi phương thức ghi chi số và thu tiền nước riêng thành ghi thu chung đã giúp việc đánh giá tỷ lệ thất thoát thực hơn do việc rút ngắn thời gian ghi từ 30 ngày xuống còn lại 10 ngày/ tháng; BĐH đã có sự ủy quyền phù hợp, phân công cụ thể theo từng khối hoạt động là yếu tố quan trọng thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty đạt được những kết quả khả quan và liên tục phát triển trong bối cảnh nền kinh tế nhiều khó khăn và biến động bất thường.

- Chỉ đạo triển khai thực hiện dự án kỹ thuật như áp dụng ghi chi số bằng máy trong toàn công ty, nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, nghiên cứu đầu tư nền tảng CNTT; thành lập Ban chuyên đề xây dựng hệ thống hóa hóa đồ mạng lưới cấp nước Thành phố Đà Lạt và sau đó đã triển khai trên các huyện góp phần tăng năng suất, hiệu quả quản lý kỹ thuật, quản lý lao động cũng như quản lý chất lượng các sản phẩm dịch vụ như rà soát hoàn thiện các cụm DMA ( hệ thống kiểm soát lưu lượng, áp lực và số lượng nước dịch chuyển vào ra khu vực) nhằm kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước; các hoạt động chính của Công ty được báo cáo hàng ngày qua việc áp dụng thông tin ứng dụng Zalo; hoàn thành số tay hướng dẫn phần mềm và phần mềm hóa đơn điện tử; Phối hợp với các ngân hàng cập nhật hệ thống thanh toán Online, hướng dẫn sử dụng phần mềm Wasspro, cài đặt lại App ghi thu cho các phân khu theo yêu cầu. Khắc phục các sự cố do nhân viên ghi thu đồng bộ dữ liệu... chỉnh sửa kịp thời các phần mềm công ty đang áp dụng, cập nhật dữ liệu hằng ngày, cài đặt phân quyền các phần mềm; triển khai Hóa đơn điện tử về xây dựng cơ bản và các loại hóa đơn điện tử khác của công ty.

- Tại địa bàn các huyện dù còn bị động bởi nguồn điện cung cấp nhưng các Nhà máy nước đã luôn cố gắng và chủ động trong công tác quản lý sản xuất và điều hành cấp nước hạn chế tối đa tình trạng khách hàng không có nước sử dụng;



- Chỉ đạo triển khai việc cơ cấu lại mô hình hoạt động; xây dựng, hoàn thiện, cải tiến cơ chế vận hành, quản trị toàn Công ty để tạo chủ động, tăng trách nhiệm, phát huy năng lực các cấp điều hành để đẩy mạnh kinh doanh, tăng khả năng cạnh tranh.

- Tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động để phát triển bền vững, đáp ứng quy định về các tỷ lệ an toàn hoạt động theo thông lệ.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát mọi hoạt động trong toàn hệ thống.

- Triển khai kế hoạch tổng thể đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

2.3. Các thành viên khác của HĐQT đã có những đóng góp tích cực trong quá trình hoàn thiện hệ thống quy chế nội bộ của Công ty cùng với HĐQT quản lý và giám sát hoạt động điều hành kinh doanh, thường xuyên hội ý, thống nhất các giải pháp về đầu tư, tài chính, kinh doanh, quản lý dự án, thủ tục... góp phần trong việc hoàn thành vượt mức nhiều chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2019.

II. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các Nghị quyết của HĐQT: Trong năm 2019, HĐQT của Công ty đã tiến hành 07 phiên họp, ban hành 08 Nghị quyết. Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đầy đủ có chữ ký của các thành viên HĐQT tham gia dự họp; hồ sơ, tài liệu được gửi đầy đủ đến các thành viên HĐQT, BKS dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước. Nội dung các phiên họp luôn được sự nhất trí và đồng thuận cao, tạo điều kiện thuận lợi trong việc đưa các Nghị quyết của HĐQT vào thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty. Các nội dung quan trọng đã được HĐQT họp bàn như sau:

- Xây dựng, hoàn chỉnh và thông qua các quy chế phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Chỉ đạo thực hiện việc tái cơ cấu bộ máy quản lý, hoàn thiện mô hình tổ chức của Công ty.

- Định hướng mục tiêu để triển khai các dự án đầu tư tài sản cố định, các công trình mở rộng, nâng công suất hệ thống cấp nước của Công ty;

- Đánh giá kết quả hoạt động của Công ty.

#### 1. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2019:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2019/NQ-HĐQT	17/01/19	Mua lại cổ phần ưu đãi được mua thêm của người lao động chấm dứt hợp đồng trước thời hạn
2	02/2019/NQ-HĐQT	17/01/19	Xác định giá để làm căn cứ đàm phán và giao nhiệm vụ đàm phán đối tác về việc mua Nhà máy nước Tuyên Lâm
3	03/2019/NQ-HĐQT	04/04/19	Thông qua kế hoạch SXKD 2019
4	04/2019/NQ-HĐQT	03/05/19	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019
5	Không số	20/06/19	NQ về ĐHCĐ thường niên 2019
6	05/2018/NQ-HĐQT	08/07/19	Chi trả cổ tức năm 2018
7	06/2019/NQ-HĐQT	18/07/19	Thử nghiệm mô hình tổ chức
8	07/2019/NQ-HĐQT	20/12/19	Đánh giá kết quả SXKD 2019, xem xét kế hoạch SXKD năm 2020

#### 2. Các Quyết định của HĐQT năm 2019:

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2019/QĐ-HĐQT	15/08/2019	Ban hành Quy chế Quản lý tài chính
2	02/2019/QĐ-HĐQT	15/8/2019	Ban hành Quy chế Thi đua khen thưởng
3	03/2019/QĐ-HĐQT	21/12/2019	Tổ chức ĐHCĐ thường niên 2020



### III. Tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ

#### 1. Thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2019:

stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành	Đánh giá
1	Sản lượng nước sản xuất	1.000 m <sup>3</sup>	23.372	22.936	98,14	Không HT
2	Sản lượng nước tiêu thụ	1.000 m <sup>3</sup>	18.229	17.764	97,45	Không HT
3	Tỷ lệ thất thoát nước	%	22	22,55	97,56	Không HT
4	Doanh thu cấp nước	Triệu đồng	207.977	221.193	106,35	
5	Doanh thu XDCB	Triệu đồng	11.513	13.793	119,8	
6	Doanh thu xử lý nước thải	Triệu đồng	18.368	17.751	96,64	Không HT
7	Doanh thu khác	Triệu đồng	200	805	402,5	
8	Tổng doanh thu	Triệu đồng	238.058	253.670	106,55	
9	Lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	17.370	44.388	244,96	

Kết quả hoạt động như trên là khá tốt; có 04 chỉ tiêu không hoàn thành là sản lượng nước sản xuất, sản lượng nước tiêu thụ, tỷ lệ thất thoát và doanh thu xử lý nước thải; trong đó chỉ tiêu sản lượng nước sản xuất phụ thuộc vào sản lượng nước tiêu thụ (tỷ lệ thuận với nhu cầu sử dụng của khách hàng và tỷ lệ nghịch với lượng nước bù đắp do khắc phục được tỷ lệ thất thoát) cụ thể trong năm 2019 tại khu vực Lâm Đồng lượng mưa nhiều hơn năm 2018 vì vậy nhiều khách hàng đã tận dụng lượng nước mưa để phục vụ sản xuất, tưới tiêu đã làm giảm sản lượng nước tiêu thụ bên cạnh việc kéo giảm tỷ lệ thất thoát từ 24,44% (tháng 12/2018) xuống còn 22,55% (tháng 12/2019) giảm 1,89% tương đương với lượng nước phải sản xuất nếu tỷ lệ thất thoát vẫn giữ mức 24,44% là 1.920.000 m<sup>3</sup> đã giúp Công ty không phải sản xuất lượng nước này.

Mặc dù tỷ lệ thất thoát chưa bảo đảm theo kế hoạch, tuy nhiên tỷ lệ giảm như trên cũng là nỗ lực đáng khích lệ.

Tương tự doanh thu xử lý nước thải cũng tỷ lệ thuận với sản lượng nước tiêu thụ do đó cũng không đạt kế hoạch.

2. Việc thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019 của Công ty ngày 20/06/2019, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 của Công ty như sau:

Hạng mục	Tỷ lệ trích	Số tiền (đơn vị: VND)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>11.794.761.543</b>
- Trích quỹ đầu tư phát triển	15%	1.769.214.231
- Trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi	30%	3.537.785.770
- Chi trả cổ tức	55%	6.461.600.000

Công ty đã tạm trích trong năm 2018 Quỹ đầu tư phát triển số tiền 1.769.214.231 VND và Quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 3.007.664.194 VND.



3. Khai thác và đầu tư các dự án trong năm 2019: Kế hoạch đầu tư XDCB 2019 đã được thông qua HĐQT, gồm 39 hạng mục, tổng giá trị là: 386.875.000.000 VND; kết quả thực hiện như sau:

+ Đã hoàn thành: 14 hạng mục, giá trị quyết toán 18.189.000.000 VND trên tổng mức đầu tư 28.000.000.000 VND;

+ Đang triển khai: 07 hạng mục, tổng giá trị là: 4.700.000.000 VND;

+ Không thực hiện (do các yếu tố khách quan về chủ trương đầu tư, không khả thi...): 13 hạng mục, tổng giá trị là: 179.000.000.000 VND; điển hình như: mua NMN Tuyên Lâm, nhà ở công nhân tại NMN Đan Kia-Suối Vàng, tuyến ống nước thô D300 từ HCT-HTT, xây dựng nhà máy xử lý nước hồ P'ro và lắp đặt đường ống chuyển tải D250 về thị trấn Thạnh Mỹ.

+ Chuyển tiếp sang năm 2020: 05 công trình với tổng giá trị đầu tư 177.000.000.000 VND.

4. Chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS và các lợi ích có liên quan: thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thành lập 2018, HĐQT đã triển khai chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát như sau:

4.1. Chi trả thù lao:

a) Cho các thành viên HĐQT:

+ Chủ tịch: 10.000.000 đồng/người/tháng. Tổng tiền đã chi trả là: 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

+ Phó Chủ tịch: 8.000.000 đồng/người/tháng. Tổng tiền đã chi trả là: 96.000.000 đồng (Chín mươi sáu triệu đồng)

+ 03 thành viên: 6.000.000 đồng/người/tháng. Tổng tiền đã chi trả là: 216.000.000 đồng (Hai trăm mười sáu triệu đồng).

b) Ban kiểm soát:

+ Trưởng ban chuyên trách: 25.000.000 đồng/người/tháng. Tổng tiền đã chi trả là: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

+ 02 thành viên: 4.000.000 đồng/người/tháng. Tổng tiền đã chi trả là: 96.000.000 đồng (Chín mươi sáu triệu đồng).

c) Chi trả cho Thư ký: 2.000.000 đồng/người/tháng. Tổng tiền đã chi trả là: 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Tổng số tiền đã chi trả là: 852 000 000 đồng (Tám trăm năm mươi hai triệu đồng)

4.2. Chi trả thưởng hoàn thành kế hoạch: năm 2019 Công ty có nhiều chỉ tiêu hoàn thành vượt mức kế hoạch, trong đó có chỉ tiêu về tài chính như sau:

Stt	Chỉ Tiêu	Kế hoạch (đồng)	Thực hiện (đồng)	So sánh TH/KH	
				Số tuyệt đối (đồng)	(%)
1	Tổng doanh thu sản xuất công nghiệp	238.058.000.000	253.670.000.000	15.612.000.000	107,92
2	Lợi nhuận sau thuế sản xuất công nghiệp	17.370.000.000	35.286.000.000	17.916.000.000	203,14
3	Giá bán bình quân (Đồng/m <sup>3</sup> )	11.409	12.461	1.052	109,22



HĐQT đã xem xét đề xuất thường hoàn thành vượt mức kế hoạch cho HĐQT, Ban Kiểm Soát và Thư Ký HĐQT với mức đề xuất thường là **313.500.000 đồng** (Ba trăm mười ba triệu năm trăm ngàn đồng). Mức thưởng này chiếm 0,89% của lợi nhuận sau thuế 2019 và chiếm 1,75% của lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch 2019.

4.3. Các lợi ích và giao dịch liên quan (theo Báo cáo tài chính kiểm toán): Không có

## II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

HĐQT tiếp tục chỉ đạo BĐH tập trung triển khai các dự án đã hoàn thành khai thác, hoàn thiện các thủ tục pháp lý. Đồng thời, HĐQT tập trung chỉ đạo thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 trong đó chú trọng việc phát triển nguồn cấp để chủ động trong phân phối tiêu thụ nước máy, xây dựng cơ chế hoạt động phù hợp để tạo cơ hội đầu tư cho Công ty, hỗ trợ BĐH thực hiện kế hoạch kinh doanh và chiến lược của Công ty trong các năm tiếp theo.

Ngoài ra, nhằm tăng cường công tác quản trị tại Công ty, năm 2020 HĐQT sẽ từng bước xây dựng và hoàn thiện các Quy trình, quy chế quản trị theo hướng chuyên trách, nâng cao vai trò từng thành viên HĐQT để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh, đảm bảo tối đa lợi ích của cổ đông.

Bằng việc phát triển khách hàng, phát triển kinh doanh các mặt hàng có liên quan đến ngành cấp, thoát nước hướng đến một Công ty đa ngành nghề chuyên nghiệp mở rộng thị trường ra ngoài tỉnh và khu vực

HĐQT cam kết hoạt động tích cực trên tinh thần trách nhiệm cao nhằm đạt hiệu quả cao nhất cho Công ty và gia tăng giá trị cho các cổ đông. Ngoài những nhiệm vụ được giao theo các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hoạt động thường nhật và định kỳ theo thông lệ thì trong năm 2020, HĐQT chỉ đạo thực hiện các kế hoạch trọng yếu như sau:

### 1. thực hiện các chỉ tiêu cơ bản:

a) Lĩnh vực cấp nước.	
a1) Nước sản xuất	: 23.076.000 m <sup>3</sup> .
Trong đó:	
+ Nước Công ty sản xuất	: 13.221.000 m <sup>3</sup> .
+ Mua nước Sài Gòn – ĐanKia	: 9.855.000 m <sup>3</sup> .
a2) Nước ghi thu đạt	: 18.292.000 m <sup>3</sup> .
a3) Tỷ lệ thất thoát	: 21%.
a4) Tồn thu:	: < 1%
a5) Phát triển khách hàng mới	: 3.300 hộ.
a6) Giá bán bình quân	: 12.461 đồng
b) Lĩnh vực xử lý nước thải	: 3.103.000 m <sup>3</sup>
c) Thu nhập	: 11.500.000 đồng/người/ tháng
d) Doanh thu chính:	
d1) Doanh thu sản xuất công nghiệp	: 227.931.000.000 đồng
d2) Doanh thu xây dựng cơ bản	: 13.223.000.000 đồng
d3) Doanh thu xử lý nước thải	: 19.352.000.000 đồng
e) Lợi nhuận:	
e1) Lợi nhuận trước thuế	: 27.296.000.000 đồng
e2) Lợi nhuận sau thuế	: 21.836.800.000 đồng
f) Cổ tức:	: 1,5%

### 2. Các hạng mục công trình đầu tư mới và cải tạo nâng cấp, Sửa chữa lớn:

- Đầu tư năm 2019 chuyển sang: 03 hạng mục, tổng giá trị 249.000.000.000 VND.
  - Đầu tư năm 2020: 22 hạng mục, tổng giá trị 24.900.000.000 VND.
  - Các hạng mục sửa chữa lớn năm 2020:
    - + Đầu tư năm 2019 chuyển sang: 02 hạng mục, tổng giá trị 2.150.000.000 VND.
    - + Các công trình đầu tư năm 2020: 17 hạng mục, tổng giá trị 11.500.000.000 VND.
- Trong đó các hạng mục chính như:



- +Nâng công suất NMN ĐanKia-Suối vàng.
- +Đầu tư xây dựng Nhà máy nước Phát Chi.
- +Triển khai việc lắp đặt tuyến ống chuyên tải D800mm , chiều dài 7,2 km từ Nhà máy nước Đan Kia lên đến bể chứa Tùng Lâm.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT trong năm 2019, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, Ban KS;
- BĐH;
- CBTT;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, P Hoàng.





**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, GIÁM SÁT  
CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019**

*Kính thưa Quý vị Cổ đông Công ty Cổ phần cấp nước Lâm Đồng,*

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (BKS) được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Lâm Đồng (Lawaco); Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS; Điều lệ của Lawaco và các quy định của Pháp luật;

Căn cứ kết quả cuộc họp BKS ngày 10/3/2019, BKS nhất trí thông qua báo cáo hoạt động trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) với các nội dung cụ thể như sau:

**I. Thành viên và cơ cấu của BKS:**

BKS hoạt động từ ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đến ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 gồm có: 03 thành viên

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân – Trưởng ban
- Bà Nguyễn Hải Tâm – Thành viên
- Ông Trần Văn Thuận – Thành viên

**II. Các hoạt động của Ban kiểm soát:**

1. Xây dựng chương trình hoạt động kiểm tra; Thực hiện việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên BKS.
2. Tham dự đầy đủ và có ý kiến, báo cáo tại các cuộc họp Hội đồng quản trị (HĐQT) để nắm bắt tình hình quản trị, điều hành của Lawaco; các phiên họp của BKS (tham dự trực tiếp và trực tuyến).
3. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và các Nghị quyết của HĐQT.
4. Giám sát việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Điều hành.
5. Giám sát hoạt động, đưa ra các ý kiến về Báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019. Hàng quý thực hiện soát xét số liệu kế toán, tiền lương, thẩm định báo cáo tài chính, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và báo cáo quản trị Công ty.
6. Đã tổng kết các hoạt động của BKS năm 2019 để trình ĐHĐCĐ.
7. Kiểm tra, giám sát, góp ý trình tự thủ tục công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
8. Theo dõi, giám sát việc công bố thông tin của Công ty có trung thực và tuân thủ theo quy định của Pháp luật.





9. Thực hiện một số công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS.

10. Tổng kết các báo cáo đã thực hiện trong năm 2019:

- Xây dựng và ban hành chương trình công tác kiểm soát năm 2019.

- Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính; Soát xét số liệu kế toán; Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh; Đánh giá việc thực hiện phân phối tiền lương của năm 2018.

- Thẩm định, soát xét báo cáo tài chính quý, 06 tháng, năm 2019.

- Báo cáo giám sát hoạt động kinh doanh 06 tháng, năm 2019. Báo cáo tình hình phải thu, phải trả của Công ty.

- Báo cáo kết quả kiểm tra, tình hình thực hiện công tác xây dựng cơ bản 07 tháng đầu năm 2019. Đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản đã đề ra trong Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019.

\* Đánh giá: Nhìn chung BKS đã hoàn thành kế hoạch hoạt động năm 2019 đề ra. Sau mỗi cuộc kiểm soát đều có Biên bản làm việc ghi nhận tình hình hoạt động của Công ty và đề xuất các ý kiến, kiến nghị của BKS nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tăng cường quản trị nội bộ Công ty.

## **II. Kết quả công tác giám sát của Ban Kiểm soát:**

Trong năm 2019, Lawaco đã cơ bản đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định pháp luật đối với Công ty cổ phần đại chúng. Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị sản xuất kinh doanh, việc thẩm tra các BCTC quý, BCTC bán niên; BCTC năm, soát xét số liệu, chứng từ kế toán, BKS có một số nhận xét như sau:

### **1/ Hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Trong năm 2019 với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo, đã điều hành Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ nghiêm túc các Nghị quyết của HĐQT, chấp hành các chính sách và quy định của Nhà nước; Chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động.

Các hoạt động của Công ty vẫn đảm bảo phát triển, an toàn, bền vững và tuân thủ theo pháp luật. Việc triển khai thực hiện theo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT được giám sát, đảm bảo đúng định hướng đề ra thông qua công tác giám sát, kiểm tra hàng quý do BKS thực hiện.

Các Quy chế, quy định Công ty đã ban hành trong năm là: Quy chế thi đua khen thưởng, Quy chế tài chính.

Công tác sản xuất, kinh doanh nước sạch: đảm bảo sản xuất nước liên tục, đáp ứng nhu cầu khách hàng sử dụng nước. Về chất lượng nước sạch đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy chuẩn QC01/2009 của Bộ Y tế.

Công tác chống thất thoát nước: tỷ lệ thất thoát nước năm 2019 là 22,65%. Tình hình giảm thất thoát nước năm 2019 đã có những chuyển biến tích cực, cụ thể giảm 1,98% so với năm 2018. Công ty đã chú trọng thực hiện số hóa bản đồ mạng



lưới cấp nước trên toàn Công ty, nhằm nâng cao công tác quản lý và kiểm soát hệ thống tuyến ống cấp nước, hướng đến quản lý thất thoát thất thu bền vững.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản: trong năm đã hoàn thành 14 công trình với mức đầu tư là 28 tỷ đồng, ưu tiên nâng cấp, cải tạo các tuyến ống cấp nước tại các điểm bất lợi.

Dịch vụ thoát nước: cơ bản thực hiện tốt dịch vụ thoát nước theo đơn đặt hàng của UBND tỉnh Lâm Đồng. Đã lập và ban hành nhiều biện pháp phòng ngừa, ứng phó với sự cố hóa chất, sự cố môi trường.

Bên cạnh các công tác Công ty đã thực hiện được, BKS cũng có một số kiến nghị cần lưu ý:

+ Cần sớm ban hành, điều chỉnh: Quy chế tiền lương; Lộ trình không dùng tiền mặt; Chương trình chống thất thoát nước cụ thể; Quy định mua sắm tài sản, thiết bị máy móc; Quy trình thay thế, cải tạo tài sản; Nội quy phòng cháy chữa cháy; các chế độ khác... phù hợp với yêu cầu phát triển chung của toàn Công ty.

+ Công tác sản xuất nước sạch: nhanh chóng tìm nguồn cung cấp nước cho thị trấn Nam Ban đảm bảo nhiệm vụ kinh doanh, cung cấp nước sạch.

+ Công tác xả thải: chỉ số amoni còn cao so với tiêu chuẩn xả thải của Bộ Tài nguyên môi trường. Công ty cần đẩy nhanh thủ tục xin chủ trương và kinh phí với các cấp có thẩm quyền và UBND tỉnh nhằm đảm bảo quy định Nhà nước về môi trường.

+ Công tác chống thất thoát nước: BKS nhận định lợi ích của việc chống thất thoát nước rất lớn, đặc biệt khi tỷ lệ xuống ngưỡng 18% theo Quyết định 2147/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về “Chương trình quốc gia chống thất thoát thất thu đến 2025” là việc không đơn giản. Vì vậy, để công tác này hiệu quả đòi hỏi sự nỗ lực, chủ động, sáng tạo nhiều hơn trong từng cán bộ. Đồng thời, cần xây dựng các chương trình, kế hoạch chống thất thoát thất thu cụ thể nhằm đảm bảo tỷ lệ thất thoát giảm bền vững và dưới 21% trong năm 2020 như kế hoạch Công ty đã đề ra.

+ Đối với công tác đầu tư xây dựng cơ bản: Các công trình chưa hoàn thành chuyển tiếp từ năm 2019 và kế hoạch đầu tư năm 2020 cần báo cáo hàng quý chi tiết và cụ thể để HĐQT, BKS thuận tiện trong theo dõi tình hình thực hiện, từ đó có hướng chỉ đạo kịp thời.

## **2/ Thực hiện chế độ kế toán, BCTC và kết quả sản xuất kinh doanh:**

BKS đã thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (là đơn vị đã được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán). BKS luôn duy trì kênh thông tin hiệu quả với kiểm toán độc lập để đảm bảo giám sát được chất lượng báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính cũng như cập nhập kịp thời các kết quả kiểm toán báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/1/2019 đến ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán và có 01 ý kiến ngoại trừ với cơ sở như sau (trích Báo cáo kiểm toán): “ Công ty đang theo dõi chi phí quản lý vượt định mức của Ban Quản lý dự án Thoát nước và xử lý nước thải Đà Lạt với số tiền 3,984 tỷ đồng trên chỉ tiêu

000017  
CÔNG TY  
Ổ PHÂN  
THOÁT N  
ÂM ĐỒNG  
17-T. L.P



“Phải thu ngắn hạn”. Bằng các thủ tục kiểm toán toán đã thực hiện, chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi của khoản chi phí này, do đó không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019”.

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

S T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 01/1/2019- 31/12/2019
1	Tổng tài sản, trong đó:	Tỷ đồng	1.542.353.634.300
	+ Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	616.215.717.676
	+ Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	926.137.916.624
2	Nguồn vốn	Tỷ đồng	1.542.353.634.300
	+ Nợ phải trả	Tỷ đồng	340.244.892.856
	+ Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.202.108.741.444
3	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	788.000.000.000
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	296.273.796.464
5	Tổng chi phí	Tỷ đồng	251.885.088.910
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	44.388.707.554
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	35.286.678.254
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	5,6
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/cổ phiếu	444

### III. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban Điều hành (BDH):

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, BDH và các bộ phận quản lý của Lawaco trong năm 2019, BKS chưa thấy có dấu hiệu bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành.

#### 1. Giám sát đối với HĐQT:

- HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ đúng theo Điều lệ của Lawaco.

- HĐQT đã tổ chức và duy trì các phiên họp định kỳ hàng quý, đã ban hành 07 nghị quyết. Trong các kỳ họp HĐQT, các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ và làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các Nghị quyết, kịp thời định hướng, chỉ đạo các chủ trương, hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ và quy định của pháp luật.

- HĐQT đã chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thông qua các cuộc họp HĐQT hàng quý và khi có yêu cầu đột xuất HĐQT/Chủ tịch HĐQT đã trao đổi trực tiếp và chất vấn các hoạt động của BDH trong việc thực hiện chiến lược hoạt động và các mục tiêu kinh doanh.

#### 2. Giám sát đối với Ban Giám đốc/Ban Điều hành:

- BDH đã thực hiện đầy đủ, kịp thời Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT. Chủ động lập kế hoạch, quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công



nhiệm vụ trong BDH để chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và chế độ chính sách người lao động.

- BDH cũng trình bày các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện sản xuất kinh doanh và thảo luận, bàn bạc trực tiếp với HĐQT để đưa ra các giải pháp kịp thời, hiệu quả nhằm hoàn thành các mục tiêu mà ĐHĐCĐ thông qua.

### **3. Về kết quả thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, BKS xin nêu tóm lược như sau:**

Chúng tôi nhất trí với báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính trong năm 2019 đã được kiểm toán. Trong đó, các chỉ tiêu chính như sau:

Nội dung	Đơn vị tính	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	Kết quả thực hiện	KQ sao với NQ
1. Doanh thu	Tỷ đồng	238.058	296.273	124,45%
2. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	17.370	44.388	255,54%
3. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13.896	35.286	253,92%
4. Sản lượng sản xuất	1000 m <sup>3</sup>	23.372	22.960	98,24%
5. Sản lượng ghi thu	1000 m <sup>3</sup>	18.229	17.759	97,42%
6. Tỷ lệ thất thoát	%	22,00	22,65	+0,65%
7. Tỷ lệ tồn thu	%	< 1	< 1	100%

So sánh kết quả thực hiện với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, thì Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu được giao. Trong đó, chỉ tiêu lợi nhuận là vượt so với kế hoạch trên 250%. Duy có tỷ lệ thất thoát là không đạt, còn cao hơn so với kế hoạch là 0,65%.

BKS cũng kiến nghị Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 được ĐHĐCĐ thông qua cần chi tiết và cụ thể để BKS thuận tiện trong việc theo dõi, đánh giá và báo cáo cho các cổ đông.

### **IV. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BDH, các cán bộ quản lý và cổ đông:**

1. Trong năm 2019, giữa BKS với HĐQT, BDH và các bộ phận quản lý đã cơ bản duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế Quản trị nội bộ của Lawaco. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT và BDH được thực hiện phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ.

HĐQT đã kết hợp với BKS kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh của Công ty để đóng góp ý kiến với BDH nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra. Các thành viên BKS đều được mời tham dự các cuộc họp HĐQT, thông qua đó BKS có cơ hội trao đổi, bàn bạc trực tiếp về những ý kiến đóng góp của mình với HĐQT, BDH với tư cách là giám sát và đại diện cổ đông.

2. Đối với cổ đông: BKS chưa nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ Lawaco.





## V. Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2020:

### 1. Nội dung:

Chương trình hoạt động của BKS tập trung vào những nội dung chính sau:

- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT.
- Giám sát sự tuân thủ Điều lệ, các Quy chế và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình quản lý, điều hành và hoạt động của Lawaco.
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, bán niên, năm.
- Kiểm soát quản lý thu, chi, và các hoạt động thường xuyên của Lawaco.
- Đánh giá các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh. Xem xét việc ký kết hợp đồng kinh tế, việc triển khai các dự án đầu tư theo kế hoạch 2020 đã được HĐQT thông qua.
- Đánh giá việc thực hiện phân phối tiền lương, các chế độ khác liên quan đến người lao động.
- Kiểm tra việc công bố thông tin của Lawaco có được đầy đủ, trung thực và tuân thủ theo quy định của Pháp luật.
- Kiểm soát các vấn đề khác có liên quan đến nhiệm vụ của BKS.
- Theo dõi việc tổ chức thực hiện những kiến nghị của BKS đã đưa ra.

### 2. Tổ chức thực hiện:

- Công tác kiểm tra, kiểm soát phải thực hiện tuân thủ theo đúng Pháp luật hiện hành, Điều lệ Lawaco, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của BKS.
- Căn cứ và sự phân công trong BKS và nội dung chương trình nêu trên, từng thành viên BKS chủ động xây dựng nội dung làm việc và thời gian tiến hành cụ thể trước khi thực hiện.

Trên đây là Báo cáo tóm tắt về tình hình hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban kiểm soát Lawaco, kính trình ĐHĐCĐ thường niên.

Thay mặt BKS tôi xin chân thành cảm ơn HĐQT, BDH, các Phòng ban chức năng có liên quan cùng Quý cổ đông đã luôn tạo điều kiện cho BKS thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

*Xin kính chúc các Quý cổ đông nhiều sức khỏe và thành đạt, chúc đại hội thành công.*

#### Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ
- Hội đồng quản trị;
- Ban Điều hành;
- Lưu Thư ký, BKS.





Số: 05 /TTr-BKS

Đà Lạt, ngày 10 tháng 03 năm 2020

**TỜ TRÌNH CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**

Nội dung trình: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài Chính về việc quyết định chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2018;

Căn cứ vào định hướng triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần.

Trên cơ sở xem xét hồ sơ năng lực về Độ uy tín, chất lượng dịch vụ kiểm toán; thời gian kiểm toán đảm bảo; đơn giá dịch vụ kiểm toán cạnh tranh; kinh nghiệm kiểm toán lãnh vực ngành nước của các Công ty kiểm toán, Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng đề xuất các Công ty kiểm toán sau:

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC. Địa chỉ: Số 01, Phố Lê Phụng Hiểu, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội. (Theo Quyết định số 932/QĐ-UBCK ngày 19/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)
2. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam. Địa chỉ: Số 04 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh (Theo Quyết định số 1069/QĐ-UBCK ngày 30/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước).
3. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Địa chỉ: Số 02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh (Theo Quyết định số 942/QĐ-UBCK ngày 19/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước).

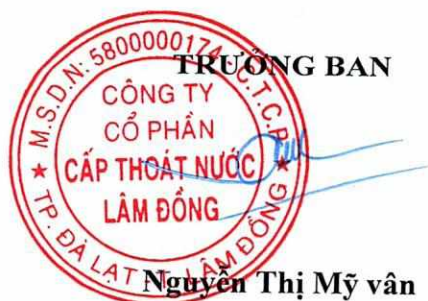
Kính trình Đại hội đồng Cổ đông năm 2020 Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng xem xét thông qua và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán nêu tại danh sách trên để kiểm toán cho Công ty năm tài chính 2020 theo đúng quy định của pháp luật .

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, Ban KS;
- BDH;
- CBTT;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, P Hoàng.





**KẾ HOẠCH**  
**TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**

*Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020*

Đề tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 được chu đáo và đúng quy định, Tổng giám đốc công ty cổ phần cấp thoát nước Lâm Đồng xây dựng Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

S T T	Công việc	Nội dung chi tiết	Thời gian thực hiện	
			Bắt đầu	Kết thúc
1	Họp HĐQT	Thông qua kế hoạch, nội dung và chương trình chi tiết ĐH, tài liệu phục vụ Đại hội Chốt ngày ngày đăng ký cuối cùng: 03/04/2020; ngày họp ĐHCĐ: 24/04/2020	06/03 2020	
3	Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu cho ĐH	Hoàn thiện các tài liệu ĐH	06/03 2020	24/03 2020
4	Gửi thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền cho người sở hữu CK	- Nơi nhận: UBND chứng khoán, Sở GD&ĐT Hà Nội, Trung tâm Lưu ký VSD và sở KH&ĐT Lâm Đồng. - Công bố thông tin.	24/3 2020	
5	Thông báo về việc đề cử, ứng cử bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát	Cổ đông và công bố thông tin	24/3 2020	
6	Nhận Danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người SHCK từ VSD và chuyển cho cổ đông	Đối chiếu thông tin	08/04 2020	09/04 2020
7	Tiếp nhận thông báo không chấp nhận thông tin từ cổ đông		09/04 2020	13/04 2020
8	Gửi thông báo không chấp nhận thông tin cho VSD		13/4 2020	
9	Nhận Danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người SHCK điều chỉnh từ VSD	Đối chiếu thông tin	15/4 2020	



10	Gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ	Cổ đông và VSD (kèm theo chương trình họp và tài liệu tham khảo)	<u>15/04</u> 2020	
11	Công bố thông tin về ĐHĐCĐ	Trên Website Công ty, UBCKNN, SGDCK (nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu ĐH bao gồm: TB; Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; Chương trình họp; Phiếu biểu quyết; Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên bầu bổ sung thành viên BKS, thành viên HĐQT; các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp).	<u>15/04</u> 2020	
12	Nhận kiến nghị của CĐ nắm giữ từ 10% cổ phần trong thời gian liên tục ít nhất 6 tháng về các vấn đề liên quan đến Đại hội	Chậm nhất 03 ngày trước ngày khai mạc		<u>20/04</u> 2020
13	Chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ cho Đại hội, pho to tài liệu.		<u>22/04</u> 2020	<u>23/04</u> 2020
14	Đại hội	Từ 14g00	<u>24/04</u> 2020	

Do tình hình tình hình dịch bệnh COVID-19 đang diễn ra bất thường vì vậy Kế hoạch có thể được điều chỉnh, khi có điều chỉnh, Công ty sẽ có thông báo cụ thể sau.

Nơi nhận:

- Ban TC ĐHĐCĐ 2020;
- HĐQT, BKS;
- BKH;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT.



Võ Quốc Trang



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 41
Bảng cân đối kế toán	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 41





Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng  
Địa chỉ: Số 50 Hùng Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng tiền thân là Công ty TNHH MTV (100% vốn Nhà nước) được thành lập theo Quyết định số 2873/QĐ-UBND ngày 18/10/2005 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Cấp nước Lâm Đồng thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Công ty đã thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 23/04/2015 của UBND Tỉnh phê duyệt lộ trình sắp xếp doanh nghiệp 100% Vốn Nhà nước thuộc UBND tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt cơ cấu vốn khi chuyển sang doanh nghiệp cổ phần. Công ty đã thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2016, giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được phê duyệt tại quyết định 534/QĐ-UBND ngày 20/03/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000174 được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 22/06/2018 với Vốn điều lệ là 788.000.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi tám tỷ đồng chẵn).

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 50 Hùng Vương - thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Võ Quốc Trang	Thành viên - Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên
Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Quốc Trang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 20/06/2019)
Ông Trần Văn Thuận	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 20/06/2019)
Bà Nguyễn Mai Thanh	Thành viên	
Ông Nguyễn Hải Tâm	Thành viên	

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng  
Địa chỉ: Số 50 Hùng Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng lớn và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Võ Quốc Trang  
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 01 tháng 03 năm 2020





Số: 010320.002/BCTC.KT5

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng được lập ngày 01 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018, chúng tôi đã đưa ý kiến ngoại trừ về việc Công ty chưa đối chiếu được nguồn vốn của dự án Thoát nước và xử lý nước thải Đà Lạt còn được rút từ Kho bạc Nhà nước để thanh toán cho các chi phí đã phát sinh từ dự án. Vấn đề này vẫn chưa được xử lý do đó chúng tôi tiếp tục đưa ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, cụ thể như sau:

UHA  
TOÁN  
C





Số: 010320.002/BCTC.KT5

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng được lập ngày 01 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018, chúng tôi đã đưa ý kiến ngoại trừ về việc Công ty chưa đối chiếu được nguồn vốn của dự án Thoát nước và xử lý nước thải Đà Lạt còn được rút từ Kho bạc Nhà nước để thanh toán cho các chi phí đã phát sinh từ dự án. Vấn đề này vẫn chưa được xử lý do đó chúng tôi tiếp tục đưa ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, cụ thể như sau:

CHAI  
TOA  
C  
IP



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng được lập ngày 01 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018, chúng tôi đã đưa ý kiến ngoại trừ về việc Công ty chưa đối chiếu được nguồn vốn của dự án Thoát nước và xử lý nước thải Đà Lạt còn được rút từ Kho bạc Nhà nước để thanh toán cho các chi phí đã phát sinh từ dự án. Vấn đề này vẫn chưa được xử lý do đó chúng tôi tiếp tục đưa ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, cụ thể như sau:

H  
U  
A  
T  
O  
I  
C  
T  
P



Công ty đang theo dõi chi phí quản lý vượt định mức của Ban quản lý dự án Thoát nước và Xử lý nước thải Đà Lạt với số tiền 3,984 tỷ trên chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" (Mã số 136). Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi của khoản chi phí này, do đó không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 kèm theo (chi tiết tại thuyết minh số 7).

#### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.


#### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 22/06/2018. Tuy nhiên, Công ty lập báo cáo cho giai đoạn chính thức chuyển sang Công ty cổ phần từ ngày 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018, do đó số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính năm nay được lấy theo số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.



**Đỗ Thị Ngọc Dung**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0659-2018-002-1  
Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2020



**Nguyễn Trường Minh**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2290-2018-002-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>616.215.717.676</b>	<b>602.560.219.046</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>16.316.219.565</b>	<b>25.426.117.349</b>
111	1. Tiền		12.816.219.565	8.826.117.349
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.500.000.000	16.600.000.000
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	4	<b>537.708.346.943</b>	<b>515.724.930.555</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		537.708.346.943	515.724.930.555
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>43.596.740.716</b>	<b>39.345.830.418</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	3.095.164.052	5.890.565.995
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.242.622.136	3.092.611.750
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	40.357.143.210	30.903.683.843
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.098.188.682)	(541.031.170)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	9	<b>18.117.169.626</b>	<b>21.927.532.797</b>
141	1. Hàng tồn kho		19.424.096.416	21.927.532.797
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.306.926.790)	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>477.240.826</b>	<b>135.807.927</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	16.054.188	6.187.460
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		174.645.325	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	286.541.313	129.620.467

ĐIỀU  
 TRƯỞNG  
 HẠ  
 CHỮ  
 KÝ



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		926.137.916.624	967.245.893.751
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	1.450.999
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	-	1.450.999
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		889.963.467.603	924.423.860.277
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	888.680.428.997	923.356.620.537
222	- Nguyên giá		1.466.668.754.907	1.439.893.065.975
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(577.988.325.910)	(516.536.445.438)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	1.283.038.606	1.067.239.740
228	- Nguyên giá		1.844.417.842	1.544.417.842
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(561.379.236)	(477.178.102)
240	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		1.839.955.408	6.456.814.392
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	1.839.955.408	6.456.814.392
250	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4	11.125.252.238	11.125.252.238
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		11.125.252.238	11.125.252.238
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		23.209.241.375	25.238.515.845
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	23.209.241.375	25.238.515.845
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<u>1.542.353.634.300</u>	<u>1.569.806.112.797</u>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	(đã điều chỉnh) VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>340.244.892.856</b>	<b>370.401.488.815</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>63.006.513.513</b>	<b>70.260.645.101</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	23.227.210.771	23.077.126.264
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	473.296.026	194.212.382
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2.395.921.689	3.601.071.622
314	4. Phải trả người lao động		8.991.311.376	9.048.089.526
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	3.699.756.030	2.353.431.304
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.425.339.385	3.099.689.705
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	22.793.678.236	22.815.678.244
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	6.071.346.054
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>277.238.379.343</b>	<b>300.140.843.714</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	535.119.905	514.084.770
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	275.903.428.525	298.697.106.751
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		799.830.913	929.652.193
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.202.108.741.444</b>	<b>1.199.404.623.982</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>865.154.808.462</b>	<b>837.173.351.784</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		788.000.000.000	788.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		788.000.000.000	788.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		28.512.122.705	28.512.122.705
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		543.607.360	543.607.360
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		1.769.214.231	1.769.214.231
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		34.999.339.794	7.017.883.116
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		26.161.542	-
421b	LNST chưa phân phối năm nay		34.973.178.252	7.017.883.116
422	6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		11.330.524.372	11.330.524.372
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>336.953.932.982</b>	<b>362.231.272.198</b>
431	1. Nguồn kinh phí	21	(5.128.718.713)	(2.680.598.168)
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	22	342.082.651.695	364.911.870.366
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.542.353.634.300</b>	<b>1.569.806.112.797</b>

Người lập biểu

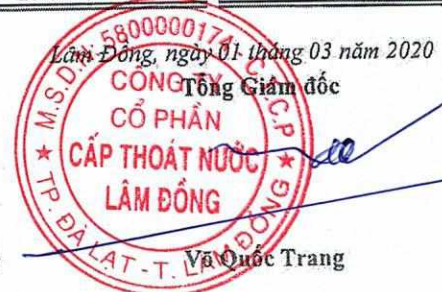


Trần Thị Tuyết Ngọc

Kế toán trưởng



Bùi Hoàng Trường Vũ



Tổng Giám đốc  
Vũ Quốc Trang



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Từ 01/07/2018
			VND	đến 31/12/2018 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	253.670.268.627	109.919.861.384
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		253.670.268.627	109.919.861.384
11	3. Giá vốn hàng bán	25	207.311.281.488	92.550.713.980
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		46.358.987.139	17.369.147.404
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	26	41.057.283.852	17.595.153.268
22	6. Chi phí tài chính	27	19.476.501.987	10.125.017.346
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		19.476.501.987	10.125.017.346
25	7. Chi phí bán hàng	28	5.313.638.391	3.059.702.032
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	17.919.028.650	7.371.332.779
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		44.707.101.963	14.408.248.515
31	10. Thu nhập khác	30	1.546.243.985	551.938.007
32	11. Chi phí khác	31	1.864.638.394	126.657.206
40	12. Lợi nhuận khác		(318.394.409)	425.280.801
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		44.388.707.554	14.833.529.316
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	9.102.029.300	3.038.767.773
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>35.286.678.254</u>	<u>11.794.761.543</u>
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	444	112

Người lập biểu



Trần Thị Tuyết Ngọc

Kế toán trưởng



Bùi Hoàng Trường Vỹ



Lâm Đồng, ngày 01 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc

Vũ Quốc Trang



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Từ 01/07/2018
			VND	đến 31/12/2018 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		276.108.954.693	115.684.285.261
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(127.283.903.406)	(48.007.457.355)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(45.768.626.393)	(23.299.612.189)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(19.520.198.406)	(10.073.316.065)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.613.873.850)	(1.419.420.013)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		489.283.539	7.438.202.009
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(42.472.867.926)	(16.383.534.649)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>30.938.768.251</i>	<i>23.939.146.999</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(19.141.668.896)	(9.355.043.509)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		272.727.273	328.454.545
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(535.447.027.499)	(504.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		513.463.611.111	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.444.500.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		30.080.970.210	522.360.808
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(10.771.387.801)</i>	<i>(513.948.728.156)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	22.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(22.815.678.234)	(3.076.129.773)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.461.600.000)	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(29.277.278.234)</i>	<i>(3.054.129.773)</i>

31/01/2020  
 ĐẶC  
 HẠN



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Từ 01/07/2018
			VND	đến 31/12/2018 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(9.109.897.784)	(493.063.710.930)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		25.426.117.349	518.489.828.279
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>16.316.219.565</u>	<u>25.426.117.349</u>

Người lập biểu

Trần Thị Tuyết Ngọc

Kế toán trưởng

Bùi Hoàng Trường Vỹ



Lâm Đồng, ngày 01 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc

Võ Quốc Trang

110  
NG  
KIỂM  
AC  
T/M



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng tiền thân là Công ty TNHH MTV (100% vốn nhà nước) được thành lập theo Quyết định số 2873/QĐ-UBND ngày 18/10/2005 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Cấp nước Lâm Đồng thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Công ty đã thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 23/04/2015 của UBND Tỉnh phê duyệt lộ trình sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND Tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt cơ cấu vốn khi chuyển sang doanh nghiệp cổ phần. Công ty đã thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2016, giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được phê duyệt tại quyết định 534/QĐ-UBND ngày 20/03/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sang Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 5800000174 ngày 22/06/2018 và vốn điều lệ là 788.000.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi tám tỷ đồng chẵn).

**Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt, xây dựng và lắp đặt hệ thống cấp nước và thoát nước.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm là:

- Sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp;
- Tư vấn thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công trình cấp thoát nước, giám sát thi công công trình xây dựng. Giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình, thẩm tra dự án đầu tư, đánh giá tác động môi trường. Thiết kế dự toán xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Thi công xây dựng công trình: Cấp thoát nước, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng, vườn sinh thái; Sản xuất và kinh doanh dịch vụ, vật tư ngành nước; Hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch tham quan, nghỉ dưỡng; Quy hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước; Tư vấn lập quy hoạch, xây dựng hệ thống cấp thoát nước, tư vấn lập hồ sơ mời thầu, xét thầu, tư vấn quản lý dự án; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

Trong năm 2019, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 253,67 tỷ đồng tăng 143,75 tỷ đồng so với số liệu kỳ so sánh. Nguyên nhân chủ yếu là do sản lượng nước tiêu thụ năm nay đạt 15,62 triệu m<sup>3</sup>, tăng 8,11 triệu m<sup>3</sup> so với kỳ trước. Bên cạnh đó, từ tháng 10/2018, theo Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 08/10/2018, đơn giá nước sạch bình quân tăng 15% so với đơn giá cũ. Tỷ lệ tăng của giá bán nước sạch cao hơn so với tỷ lệ tăng của giá nước sạch mua vào dẫn đến tỷ lệ lợi nhuận gộp năm nay đạt 18,3%, tăng 2,5% so với kỳ trước.



### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy nước Lâm Hà	Thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà	Sản xuất, kinh doanh nước
Nhà máy nước Bảo Lâm	Thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm	Sản xuất, kinh doanh nước
Nhà máy nước Đa Têh	Khu phố 6A, huyện Đa Têh	Sản xuất, kinh doanh nước
Nhà máy nước Đơn Dương	Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Đơn Dương	Sản xuất, kinh doanh nước
Nhà máy nước Đa Huoai	Thị trấn Madaguoil, huyện Đa Huoai	Sản xuất, kinh doanh nước
Nhà máy nước Đam Rông	Thị trấn Bằng Lãng, huyện Đam Rông	Sản xuất, kinh doanh nước
Xí nghiệp Xử lý nước thải	Thành phố Đà Lạt	Quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.



#### 2.4. Công cụ tài chính

##### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

##### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

#### 2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ tới ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

### 2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

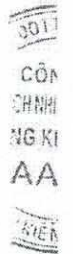
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 10 năm
- Các tài sản khác	04 - 25 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm
- Phần mềm quản lý	10 năm





### 2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

### 2.12. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### 2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần trong 03 năm.

Từ ngày 01/01/2019, Công ty thay đổi phương thức phân bổ giá trị tăng thêm của hệ thống ống nhánh theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp từ phân bổ theo lưu lượng nước tiêu thụ (với định mức 297 đồng/m<sup>3</sup>) sang phân bổ đều theo thời gian trong vòng 10 năm. Việc thay đổi phương thức phân bổ khiến cho chi phí phân bổ trong năm nay tăng 1.899,08 triệu đồng so với việc phân bổ chi phí theo sản lượng như trước đây.

### 2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### 2.15. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

03  
TY  
HUY  
ITO  
30  
19/14

## 2.17. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.18. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Nguồn vốn đầu tư Xây dựng cơ bản là số vốn thực tế được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp phục vụ cho việc đầu tư xây dựng cơ bản các công trình công ích của Công ty. Khi công trình hoàn thành và nghiệm thu quyết toán, Công ty ghi tăng TSCĐ và Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ. Đây là các tài sản Công ty giữ hộ và quản lý hộ Nhà nước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



## 2.19. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu kinh doanh nước sạch của Công ty được ghi nhận căn cứ vào khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước vào thời điểm ghi nhận chỉ số nước (thường không trùng khớp với thời điểm kết thúc niên độ). Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng, việc ghi nhận doanh thu theo thời điểm chốt chỉ số công tơ không làm sai lệch trọng yếu đến chỉ tiêu doanh thu ghi nhận trong năm.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.20. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.21. Chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là: Chi phí đi vay vốn, được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

## 2.23. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## 2.24. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.25. Thông tin bộ phận

Trong năm, phần lớn doanh thu của công ty là doanh thu từ hoạt động kinh doanh nước sạch. Đồng thời, toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	82.114.413	173.511.110
Các khoản tương đương tiền (*)	12.734.105.152	8.652.606.239
	3.500.000.000	16.600.000.000
	<b>16.316.219.565</b>	<b>25.426.117.349</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 3,5 tỷ đồng được gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với lãi suất 5,2%/năm.



#### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	537.708.346.943	-	515.724.930.555	-
	<b>537.708.346.943</b>	<b>-</b>	<b>515.724.930.555</b>	<b>-</b>

Theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 16/07/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng thống nhất giữ lại số tiền bán cổ phần để đầu tư phát triển Công ty và giao cho Tổng Giám đốc nghiên cứu đề xuất phương án sử dụng vốn hiệu quả. Theo đó, toàn bộ số tiền thu được từ tăng vốn chủ sở hữu, Công ty đem gửi tại các ngân hàng với kỳ hạn từ 03 tháng tới 12 tháng và việc này tiếp tục được ĐHCĐ thông qua tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHCĐ ngày 20/06/2019. Tại ngày 31/12/2019, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng có giá trị 537.708.346.943 VND được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất 6,0% - 7,9%/năm.

##### b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	<b>11.125.252.238</b>	-	<b>11.125.252.238</b>	-
- Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	5.466.726.034	-	5.466.726.034	-
- Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh	5.658.526.204	-	5.658.526.204	-
	<b>11.125.252.238</b>	<b>-</b>	<b>11.125.252.238</b>	<b>-</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2019 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước và Xây Dựng Đức Trọng	Lâm Đồng	32,10%	32,10%	Cấp thoát nước và xây dựng
Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh	Lâm Đồng	40,00%	40,00%	Cấp thoát nước và xây dựng

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
- Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt	411.889.691	(411.889.691)	411.889.691	(411.889.691)
- Trung tâm quản lý khai thác công trình công cộng huyện Đơn Dương	-	-	253.430.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.683.274.361	(686.298.991)	5.225.246.304	(129.141.479)
	<b>3.095.164.052</b>	<b>(1.098.188.682)</b>	<b>5.890.565.995</b>	<b>(541.031.170)</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Á Châu	-	-	1.335.554.200	-
Công ty TNHH Ngọc Anh Anh	201.466.881	-	599.784.600	-
Công ty TNHH Phú Mỹ Thịnh	-	-	617.103.000	-
Công ty Cổ phần HAWACO	355.245.000	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Lâm	214.392.300	-	-	-
Đối tượng khác	471.517.955	-	540.169.950	-
	<b>1.242.622.136</b>	<b>-</b>	<b>3.092.611.750</b>	<b>-</b>



**7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về tạm ứng	107.499.548	-	184.996.029	-
Phải thu Kho bạc Nhà nước tiền đã ứng trước cho dự án Thoát nước và xử lý nước thải Đà Lạt <sup>(1)</sup>	6.451.802.931	-	6.451.802.931	-
Phải thu cơ quan BHXH	-	-	859.999.997	-
Phải thu khác	33.797.840.731	-	23.406.884.886	-
- Phải thu lãi tiền gửi <sup>(2)</sup>	27.699.531.564	-	17.397.641.339	-
- Phải thu quỹ Khen thưởng phúc lợi chi vượt <sup>(3)</sup>	240.324.094	-	-	-
- Phải thu về cổ tức Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh	-	-	100.000.001	-
- Phải thu Khu du lịch Thung Lũng Vàng	-	-	62.660.316	-
- Phải thu về thuế TNCN	351.911.374	-	494.224.130	-
- Phải thu vật tư dự phòng đội thi công tuyến ống	-	-	646.932.052	-
- Phải thu về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế của người lao động	180.703.653	-	146.344.038	-
- Khoản phải thu về ứng trước chi phí BQLDA thuộc tiểu dự án Thoát nước và xử lý nước thải <sup>(4)</sup>	3.984.964.971	-	3.984.964.971	-
- Các khoản phải thu khác	1.340.405.075	-	574.118.039	-
	<b>40.357.143.210</b>	<b>-</b>	<b>30.903.683.843</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	-	-	1.450.999	-
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.450.999</b>	<b>-</b>
<b>c) Phải thu khác là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số 38)	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>100.000.001</b>	<b>-</b>

<sup>(1)</sup> Khoản ứng trước để thanh toán cho gói thầu 4A - Xây dựng mạng lưới thu gom trạm bơm nâng nước thải và xây dựng mạng lưới dịch vụ đấu nối hệ gia đình thành phố Đà Lạt, thuộc Liên danh nhà thầu Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng và Công ty Cổ phần Thủy lợi 1 Nghệ An với số tiền 6.451.802.931 VND. Khoản tiền ứng trước này Công ty đang làm thủ tục thanh toán với Ban quản lý dự án trung ương (PPMU1) thuộc Dự án Cấp Thoát nước (MOC).

<sup>(2)</sup> Là lãi dự thu của các khoản tiền gửi ngắn hạn, thời gian tính lãi từ các thời điểm gửi tiền đến ngày 31/12/2019.

<sup>(3)</sup> Tại ngày 01/07/2019, Công ty lấy nguồn từ quỹ Khen thưởng phúc lợi đi gửi tiết kiệm với số tiền 3.350.000.000 VND dẫn đến số dư quỹ Khen thưởng phúc lợi bị âm với số tiền 383.262.126 VND. Lãi từ khoản tiền gửi tiết kiệm

này trong thời gian từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2019 được hạch toán tăng quỹ Khen thưởng phúc lợi với số tiền 125.969.178 VND. Đến ngày 31/12/2019, số dư quỹ còn bị chi vượt là 240.324.094 VND và dự kiến sẽ được bù đắp bằng quỹ Khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế trong năm 2020.

<sup>(4)</sup> Khoản ứng trước về chi phí quản lý cho Ban quản lý dự án thuộc Tiểu dự án Thoát nước và xử lý nước thải với số tiền là 3.984.964.971 VND, khoản này sẽ không được Kho bạc Nhà nước thanh toán do Công ty đã ứng trước vượt định mức chi. Công ty sẽ trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty năm 2020 để xem xét và xử lý.

## 8. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng số 2 - TP. Hồ Chí Minh	17.637.570	-	17.637.570	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Đà Lạt	411.889.691	-	411.889.691	-
Đối tượng khác	668.661.421	-	136.231.474	24.727.565
	<b>1.098.188.682</b>	<b>-</b>	<b>565.758.735</b>	<b>24.727.565</b>

## 9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.868.036.313	(753.224.668)	19.094.431.734	-
Công cụ, dụng cụ	1.556.060.103	(553.702.122)	2.833.101.063	-
	<b>19.424.096.416</b>	<b>(1.306.926.790)</b>	<b>21.927.532.797</b>	<b>-</b>

## 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	16.054.188	6.187.460
	<b>16.054.188</b>	<b>6.187.460</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Chi phí lắp đặt đồng hồ nước và ống nhánh	3.073.325.918	1.487.211.399
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.385.270.784	3.586.888.628
- Giá trị tăng thêm khi đánh giá lại công cụ dụng cụ còn sử dụng <sup>(i)</sup>	16.134.381.567	18.990.807.068
- Lợi thế thương mại khi cổ phần hóa	616.263.106	1.173.608.750
	<b>23.209.241.375</b>	<b>25.238.515.845</b>

<sup>(i)</sup> Chi phí trả trước này là giá trị còn lại của mạng lưới ống nhánh cung cấp nước sạch, được đánh giá tăng theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Công ty thực hiện phân bổ trong vòng 10 năm (đến thời điểm 31/12/2019 Công ty đã phân bổ được 1,5 năm).



**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	449.133.269.885	67.617.201.547	766.183.441.956	113.468.978.295	43.490.174.292	1.439.893.065.975
- Mua trong năm		819.145.633	2.570.508.183	840.201.660	-	4.229.855.476
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	6.887.640.482	12.027.553.673	998.786.316	3.166.814.712	-	23.080.795.183
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(534.961.727)	-	-	(534.961.727)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>456.020.910.367</b>	<b>80.463.900.853</b>	<b>769.217.774.728</b>	<b>117.475.994.667</b>	<b>43.490.174.292</b>	<b>1.466.668.754.907</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	189.372.173.909	23.897.485.269	266.730.526.973	28.692.800.180	7.843.459.107	516.536.445.438
- Khấu hao trong năm	19.044.638.654	4.853.475.753	25.748.757.956	10.484.503.347	1.745.542.447	61.876.918.157
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(425.037.685)	-	-	(425.037.685)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>208.416.812.563</b>	<b>28.750.961.022</b>	<b>292.054.247.244</b>	<b>39.177.303.527</b>	<b>9.589.001.554</b>	<b>577.988.325.910</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	259.761.095.976	43.719.716.278	499.452.914.983	84.776.178.115	35.646.715.185	923.356.620.537
Tại ngày cuối năm	247.604.097.804	51.712.939.831	477.163.527.484	78.298.691.140	33.901.172.738	888.680.428.997

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 35.175.673.396 VND.

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	737.591.000	806.826.842	1.544.417.842
- Mua trong năm	-	300.000.000	300.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>737.591.000</b>	<b>1.106.826.842</b>	<b>1.844.417.842</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	135.526.055	341.652.047	477.178.102
- Khấu hao trong năm	14.751.820	69.449.314	84.201.134
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>150.277.875</b>	<b>411.101.361</b>	<b>561.379.236</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	602.064.945	465.174.795	1.067.239.740
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>587.313.125</b>	<b>695.725.481</b>	<b>1.283.038.606</b>

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.756.291.616	6.447.776.666
- <i>Cải tạo nhà máy nước hồ Đa Thiện</i>	-	361.446.656
- <i>Xây dựng hạ tầng cấp nước tại xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt <sup>(1)</sup></i>	433.400.925	-
- <i>Xây dựng hệ thống bể chứa địa bàn thành phố Đà Lạt</i>	224.364.791	-
- <i>Xây dựng hệ thống cấp nước đường Hồ Xuân Hương</i>	186.369.567	-
- <i>Máy bơm nước sạch trạm cấp 2 Nhà máy nước Đankia</i>	-	3.832.000.000
- <i>Các dự án khác</i>	912.156.333	2.254.330.010
Sửa chữa lớn tài sản cố định	83.663.792	9.037.726
	<b>1.839.955.408</b>	<b>6.456.814.392</b>

<sup>(1)</sup> Dự án xây dựng hệ thống cấp nước xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt:

- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng;
- Mục tiêu của dự án: Sản xuất, cung cấp nước sinh hoạt phục vụ nhân dân trên địa bàn xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt.
- Quy mô dự án: Công suất cấp nước 2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm;
- Tổng mức đầu tư: 14,941 tỷ đồng;
- Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm tính từ ngày 14/12/2005 (theo quyết định số 3604/QĐ-UBND ngày 14/12/2005 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc thu hồi và giao đất để xây dựng hồ nước Phát Chi - Trạm Hành);
- Dự án dự kiến bắt đầu triển khai vào quý I/2020 và hoàn thành vào quý IV/2020. Hiện tại, dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư theo quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng và đang tiến hành khảo sát thiết kế dự án.



14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Liên danh nhà thầu Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng và Công ty Cổ phần Thủy lợi 1 Nghệ An	10.447.737.664	10.447.737.664	12.758.612.664	12.758.612.664
- Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đankia	9.441.434.310	9.441.434.310	7.451.556.978	7.451.556.978
- Phải trả cho các đối tượng khác	3.338.038.797	3.338.038.797	2.866.956.622	2.866.956.622
	<b>23.227.210.771</b>	<b>23.227.210.771</b>	<b>23.077.126.264</b>	<b>23.077.126.264</b>

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Trung tâm Quản lý khai thác công cộng Lạc Dương	225.840.735	-
- Các đối tượng khác	247.455.291	194.212.382
	<b>473.296.026</b>	<b>194.212.382</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	23.036.771	8.349.023.144	8.372.059.915	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.247.873.850	9.308.397.484	10.613.873.850	-	942.397.484
Thuế thu nhập cá nhân	129.620.467	-	393.526.395	550.447.241	286.541.313	-
Thuế tài nguyên	-	78.549.657	1.015.957.188	1.006.886.133	-	87.620.712
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	215.829.602	215.829.602	-	-
Các loại thuế khác	-	-	15.000.000	15.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.251.611.344	16.468.584.300	16.354.292.151	-	1.365.903.493
	<b>129.620.467</b>	<b>3.601.071.622</b>	<b>35.766.318.113</b>	<b>37.128.388.892</b>	<b>286.541.313</b>	<b>2.395.921.689</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.299.853.890	2.343.550.309
Trích trước tiền nước thô tại hồ Đa Thiện	78.363.000	-
Trích trước chi phí cải tạo trạm xử lý nước Nhà máy nước Đa Tềh	454.771.545	-
Trích trước chi phí hỗ trợ nhân viên thu phí bảo vệ môi trường	866.767.595	-
Chi phí phải trả khác	-	9.880.995
	<b>3.699.756.030</b>	<b>2.353.431.304</b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	9.703.595	6.666.165
Phải trả về cổ phần hóa	817.283.299	2.259.360.815
Các khoản phải trả, phải nộp khác	598.352.491	833.662.725
- <i>Phải trả về phí tiền nước</i>	152.456.848	449.369.305
- <i>Phải trả Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng <sup>(i)</sup></i>	356.442.714	-
- <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	89.452.929	384.293.420
	<b>1.425.339.385</b>	<b>3.099.689.705</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	535.119.905	514.084.770
	<b>535.119.905</b>	<b>514.084.770</b>

<sup>(i)</sup> Đây là số lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được lấy từ số tiền 7 tỷ đồng - tiền cam kết khắc phục sự cố của Dự án Thoát nước mà Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng chuyển cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng. Công ty xác định số lãi tiền gửi này sẽ phải trả lại Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng sau khi hoàn tất công tác khắc phục sự cố.

19. VAY

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn	22.000.000	22.000.000	-	22.000.000	-	-
- Vay cá nhân	22.000.000	22.000.000	-	22.000.000	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	22.793.678.244	22.793.678.244	22.793.678.226	22.793.678.234	22.793.678.236	22.793.678.236
- Vay WorldBank - Tiểu dự án Cấp nước Lâm Đồng <sup>[1]</sup>	5.962.000.000	5.962.000.000	5.962.000.000	5.962.000.000	5.962.000.000	5.962.000.000
- Vay WorldBank - Dự án cấp nước Đà Lạt <sup>[2]</sup>	16.831.678.244	16.831.678.244	16.831.678.226	16.831.678.234	16.831.678.236	16.831.678.236
	<b>22.815.678.244</b>	<b>22.815.678.244</b>	<b>22.793.678.226</b>	<b>22.815.678.234</b>	<b>22.793.678.236</b>	<b>22.793.678.236</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
Vay WorldBank - Tiểu dự án Cấp nước Lâm Đồng <sup>[1]</sup>	68.561.918.375	68.561.918.375	-	5.962.000.000	62.599.918.375	62.599.918.375
Vay WorldBank - Dự án cấp nước Đà Lạt <sup>[2]</sup>	252.928.866.620	252.928.866.620	-	16.831.678.234	236.097.188.386	236.097.188.386
	<b>321.490.784.995</b>	<b>321.490.784.995</b>	-	<b>22.793.678.234</b>	<b>298.697.106.761</b>	<b>298.697.106.761</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(22.793.678.244)	(22.793.678.244)	(22.793.678.226)	(22.793.678.234)	(22.793.678.236)	(22.793.678.236)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<b>298.697.106.751</b>	<b>298.697.106.751</b>			<b>275.903.428.525</b>	<b>275.903.428.525</b>



**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

<sup>[1]</sup> Hiệp định vay lại giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng (Nay là Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng) ngày 16/12/2009 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4028-VN của Hiệp hội phát triển quốc tế IDA bao gồm các điều khoản như sau:

- Mục đích tài trợ vốn cho tiêu Dự án cấp nước sinh hoạt cho 6 thị trấn: Thị trấn Tân Hà, huyện Lâm Hà; Thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà; Thị trấn Madaguil, huyện Đạ Huoai; Thị trấn Đambri huyện Đạ Huoai; Thị trấn Đ'ran, huyện Đơn Dương; Thị trấn Bằng Lãng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng trong khuôn khổ Dự án Phát triển Cấp nước Đô thị Việt Nam.
- Hạn mức: Bộ Tài chính Việt Nam dành cho Công ty một khoản tín dụng bằng tiền đồng Việt Nam tương đương không vượt quá 137.960.000.000 VND.
- Thời hạn vay: Khoản vay hoàn trả cho Bộ Tài chính Việt Nam trong thời hạn 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên từ khoản vay lại, trong đó có 3 năm ân hạn, thực hiện theo 34 bán niên bằng nhau vào các ngày 01/06 và 01/12 hàng năm.
- Lãi suất vay áp dụng thống nhất cho thời hạn vay nêu trên là 3%/năm; Lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay được tính từ ngày đến hạn mà không trả cho đến ngày thực trả nếu chậm từ 15 ngày trở lên.
- Tổng số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2019 là: 62.599.918.375 VND, trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 5.962.000.000 VND.

<sup>[2]</sup> Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài Chính Việt Nam và Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Lâm Đồng (Nay là Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng) ngày 28/12/2011 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4948-VN của Hiệp hội phát triển quốc tế IDA bao gồm các điều khoản như sau:

- Mục đích tài trợ vốn cho tiêu Dự án cấp nước: Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Đà Lạt thuộc dự án cấp nước và nước thải đô thị;
- Hạn mức: Bộ Tài chính Việt Nam dành cho Công ty một khoản tín dụng bằng tiền đồng Việt Nam tương đương không vượt quá 13.184.521 USD (tương đương 274.422.627.526 VND tại thời điểm phê duyệt);
- Thời hạn vay: Khoản vay hoàn trả cho Bộ Tài chính Việt Nam trong thời hạn 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên từ khoản vay lại, trong đó có 5 năm ân hạn, thực hiện theo 30 bán niên bằng nhau vào các ngày 15/05 và 15/11 hàng năm;
- Lãi suất cho vay áp dụng thống nhất cho thời hạn vay nêu trên là 6,75%/năm, cộng phí cho vay lại 0,2%/năm cho khoản tiền vay đã giải ngân và số dư nợ vay tùy từng thời điểm. Lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay được tính từ ngày đến hạn mà không trả cho đến ngày thực trả;
- Tổng số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2019 là: 236.097.188.386 VND, trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 16.831.678.236 VND.

DN  
NH  
SK  
AA  
KIE

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB (t)	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>788.000.000.000</b>	<b>28.512.122.705</b>	<b>543.607.360</b>	-	22.363.675	-	20.092.065.838	837.170.159.578
Được cấp từ Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	8.167.893.246	8.167.893.246
Lãi trong năm từ ngày 01/07/2018 đến 31/12/2018	-	-	-	-	-	11.794.761.543	-	11.794.761.543
Kết chuyển chênh lệch tỷ giá vào kết quả kinh doanh	-	-	-	-	(22.363.675)	-	-	(22.363.675)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.769.214.231	-	(1.769.214.231)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.007.664.196)	-	(3.007.664.196)
Giảm do kết chuyển tài sản dự án thoát nước	-	-	-	-	-	-	(16.929.434.712)	(16.929.434.712)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>788.000.000.000</b>	<b>28.512.122.705</b>	<b>543.607.360</b>	<b>1.769.214.231</b>	-	<b>7.017.883.116</b>	<b>11.330.524.372</b>	<b>837.173.351.784</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>788.000.000.000</b>	<b>28.512.122.705</b>	<b>543.607.360</b>	<b>1.769.214.231</b>	-	<b>7.017.883.116</b>	<b>11.330.524.372</b>	<b>837.173.351.784</b>
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	35.286.678.254	-	35.286.678.254
Trích lập Quỹ khen thưởng Ban điều hành <sup>(ii)</sup>	-	-	-	-	-	(313.500.000)	-	(313.500.000)
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	(6.461.600.000)	-	(6.461.600.000)
Trích lập bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2018	-	-	-	-	-	(530.121.576)	-	(530.121.576)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>788.000.000.000</b>	<b>28.512.122.705</b>	<b>543.607.360</b>	<b>1.769.214.231</b>	-	<b>34.999.339.794</b>	<b>11.330.524.372</b>	<b>865.154.808.462</b>

<sup>(i)</sup> Tổng giá trị nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm nay đang được Công ty dự định sử dụng để thực hiện dự án Thoát nước và xử lý nước thải Đà Lạt.

<sup>(ii)</sup> Công ty trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 với số tiền 313.500.000 VND theo nghị quyết số 07/2019/NQ-HDQT ngày 20/12/2019 của Hội đồng quản trị. Vấn đề này sẽ được trình xin ý kiến trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 sắp tới.



**Tình hình sử dụng vốn tới thời điểm 31/12/2019:**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019 ngày 20/06/2019, Đại hội thống nhất sử dụng vốn đã phát hành lần đầu hiện có là 503.767.000.000 VND đem đầu tư dưới hình thức gửi tiết kiệm tại ngân hàng thay vì thanh toán ngay khoản vay phục vụ dự án để tận dụng lãi suất thấp từ khoản vay này.

Tại thời điểm 31/12/2019, tổng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phần Công ty chưa sử dụng và đang gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại (xem chi tiết tại thuyết minh số 4).

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty số 01/2019/NQ-DHDCD ngày 20/06/2019, Công ty thực hiện phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 của Công ty như sau:

		<u>Số tiền</u>
		VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		11.794.761.543
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	15%	1.769.214.231
Trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi <sup>(1)</sup>	30%	3.537.785.770
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 82 đồng)	55%	6.461.600.000

<sup>(1)</sup> Công ty đã tạm trích trong năm 2018 Quỹ đầu tư phát triển số tiền 1.769.214.231 VND và Quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 3.007.664.194 VND.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>31/12/2019</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>01/01/2019</u>	<u>Tỷ lệ</u>
	VND	%	VND	%
Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng <sup>(1)</sup>	-	0,00%	315.129.240.000	39,99%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) <sup>(1)</sup>	315.129.240.000	39,99%	-	0,00%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh	125.026.010.000	15,87%	125.026.010.000	15,87%
Công ty Cổ phần Golden Stream	90.000.000.000	11,42%	90.000.000.000	11,42%
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	107.351.820.000	13,62%	107.351.820.000	13,62%
Cổ đông khác	150.492.930.000	19,10%	150.492.930.000	19,10%
<b>Cộng</b>	<b><u>788.000.000.000</u></b>	<b><u>100%</u></b>	<b><u>788.000.000.000</u></b>	<b><u>100%</u></b>

<sup>(1)</sup> Theo Biên bản chuyển giao Quyền đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng ngày 24/06/2019, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã chuyển giao giá trị vốn của Nhà nước tại Công ty về cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) là 315.129.240.000 VND, tương ứng với 31.512.924 cổ phần.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Từ 01/07/2018 đến 31/12/2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	788.000.000.000	788.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	788.000.000.000	788.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	<u>788.000.000.000</u>	<u>788.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	6.461.600.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	6.461.600.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(6.461.600.000)	-
+Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(6.461.600.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	78.800.000	78.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	78.800.000	78.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	78.800.000	78.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	78.800.000	78.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	78.800.000	78.800.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	1.769.214.231	1.769.214.231
	<u>1.769.214.231</u>	<u>1.769.214.231</u>

21. NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2019	Từ 01/07/2018 đến 31/12/2018
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	(2.680.598.168)	(2.412.852.324)
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	6.968.200.000	4.004.158.536
Chi sự nghiệp	(9.416.320.545)	(4.271.904.380)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	<u>(5.128.718.713)</u>	<u>(2.680.598.168)</u>

Nguồn kinh phí được Ngân sách cấp trong năm chủ yếu là để sử dụng cho hoạt động của hoạt động của Xí nghiệp Quản lý nước thải. Nguồn kinh phí âm là do UBND tỉnh Lâm Đồng chưa cấp đủ nguồn hoạt động thường xuyên theo Hợp đồng đã ký với Xí nghiệp Quản lý nước thải.



## 22. NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ HÌNH THÀNH TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Toàn bộ nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định là nguồn vốn nhận từ ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng tài sản cố định tại Xi nghiệp Quản lý nước thải với nguyên giá và giá trị còn lại tại thời điểm 31/12/2019 lần lượt là 504.386.803.244 VND và 342.082.651.695 VND.

## 23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

### a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 134/HD-TD thửa đất tại 50 Hùng Vương, thành phố Đà Lạt để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất kinh doanh từ năm 2014 đến năm 2064. Tổng diện tích khu đất thuê là 21.272,52 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

### b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019	01/01/2019
USD	67,15	96,90

### c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2019	01/01/2019
Công nợ tiền nước từ trước năm 1999	23.958.182	23.958.182

## 24. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Từ 01/07/2018 đến 31/12/2018
	VND	VND
Doanh thu nước sạch	221.320.687.624	96.066.408.398
Doanh thu xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	13.793.079.967	4.426.128.722
Doanh thu xử lý nước thải	17.751.501.036	9.414.141.082
Doanh thu khác	805.000.000	13.183.182
	<b>253.670.268.627</b>	<b>109.919.861.384</b>

## 25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Từ 01/07/2018 đến 31/12/2018
	VND	VND
Giá vốn nước sạch	177.647.967.747	81.191.486.945
Giá vốn xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	13.444.781.723	4.636.050.745
Giá vốn xử lý nước thải	14.194.310.671	6.723.176.290
Giá vốn khác	717.294.557	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.306.926.790	-
	<b>207.311.281.488</b>	<b>92.550.713.980</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2019	Từ 01/07/2018 đến 31/12/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	40.557.414.212	17.449.434.581
Cổ tức, lợi nhuận được chia	499.869.640	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	145.718.687
	<b>41.057.283.852</b>	<b>17.595.153.268</b>
<b>Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)	<b>499.869.640</b>	<b>-</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2019	Từ 01/07/2018 đến 31/12/2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	19.476.501.987	10.125.017.346
	<b>19.476.501.987</b>	<b>10.125.017.346</b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2019	Từ 01/07/2018 đến 31/12/2018
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	5.209.348.575	2.969.257.069
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.289.816	90.444.963
	<b>5.313.638.391</b>	<b>3.059.702.032</b>

**29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2019	Từ 01/07/2018 đến 31/12/2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	5.001.557.594	1.968.001.508
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.929.548.902	958.137.036
Chi phí khấu hao tài sản cố định	289.641.568	(5.478.387)
Thuế, phí và lệ phí	94.597.932	11.544.678
Chi phí dự phòng	557.157.512	541.031.170
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.481.046.457	132.806.737
Chi phí khác bằng tiền	8.565.478.685	3.765.290.037
	<b>17.919.028.650</b>	<b>7.371.332.779</b>



### 30. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Từ 01/07/2018 đến 31/12/2018
	VND	VND
Thu nhập từ phí môi trường và phí nước thải để lại	866.773.088	306.546.624
Thu nhập từ tiền điện các đơn vị khác sử dụng	141.654.015	119.881.634
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	162.803.231	-
Thu từ thanh lý vật tư	132.661.363	-
Các khoản khác	242.352.288	125.509.749
	<b>1.546.243.985</b>	<b>551.938.007</b>

### 31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Từ 01/07/2018 đến 31/12/2018
	VND	VND
Chi phí chi trả việc thu hộ phí môi trường và phí nước thải <sup>(1)</sup>	1.543.094.640	-
Chi phí tiền điện cho các đơn vị khác sử dụng	109.752.459	98.456.448
Chi phí vượt định mức và VAT đầu vào vượt định mức	-	(253.102.010)
Các khoản phạt thuế, vi phạm hành chính	62.500.901	46.102.488
Chi phí thuế TNCN không thu hồi được	57.380.424	-
Xử lý công nợ tồn đọng	-	23.929.605
Chi phí thanh lý vật tư	-	24.865.185
Các khoản khác	91.909.970	186.405.490
	<b>1.864.638.394</b>	<b>126.657.206</b>

<sup>(1)</sup> Bao gồm 676.327.045 VND trích từ nguồn phí môi trường và phí nước thải năm 2018 chỉ trong năm 2019 và 866.767.595 VND trích từ nguồn phí môi trường và phí nước thải năm 2019.

### 32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Từ 01/07/2018 đến 31/12/2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	44.388.707.554	14.833.529.316
Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ trích năm 2015 chưa chi hết	129.821.280	-
Các khoản điều chỉnh tăng	1.478.505.174	290.881.382
- Xử lý thuế TNCN không thu hồi được	57.380.424	-
- Các khoản chi phí không được trừ	62.500.901	110.881.382
- Lương HDQT không trực tiếp điều hành	360.000.000	180.000.000
- Chi phí khấu hao tài sản dùng sản xuất không được trừ	998.623.849	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(499.869.640)	-
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN	(499.869.640)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	45.367.343.088	15.124.410.698
Thuế suất thuế TNDN cho thu nhập chịu thuế năm nay	20%	20%
Thuế suất thuế TNDN cho khoản hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ trích năm 2015	22%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>9.102.029.300</b>	<b>3.024.882.140</b>

	Năm 2019	Từ 01/07/2018 đến 31/12/2018
	VND	VND
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	206.368.184	13.885.633
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	2.247.873.850	583.910.666
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(10.613.873.850)	(1.374.804.589)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>942.397.484</b>	<b>2.247.873.850</b>

### 33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Từ 01/07/2018 đến 31/12/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	85.595.802.571	38.216.499.422
Chi phí nhân công	57.670.551.585	23.062.675.359
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	7.134.458.282	4.333.048.035
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.131.900.620	19.175.979.525
Thuế, phí và lệ phí	1.560.488.179	1.184.972.554
Chi phí dự phòng	557.157.512	541.031.170
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.023.709.115	9.692.451.423
Chi phí khác bằng tiền	20.562.953.817	6.757.049.234
	<b>229.237.021.681</b>	<b>102.963.706.722</b>

### 34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Từ 01/07/2018 đến 31/12/2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	35.286.678.254	11.794.761.543
Các khoản điều chỉnh:	(313.500.000)	(3.007.664.194)
- <i>Quỹ khen thưởng Ban điều hành được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(313.500.000)	(3.007.664.194)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	34.973.178.254	8.787.097.349
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	78.800.000	78.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>444</b>	<b>112</b>



### 35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.316.219.565	-	25.426.117.349	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	43.452.307.262	(1.098.188.682)	36.795.700.837	(541.031.170)
Các khoản cho vay	537.708.346.943	-	515.724.930.555	-
	<u>597.476.873.770</u>	<u>(1.098.188.682)</u>	<u>577.946.748.741</u>	<u>(541.031.170)</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	298.697.106.761	321.512.784.995
Phải trả người bán, phải trả khác	25.187.670.061	26.690.900.739
Chi phí phải trả	3.699.756.030	2.353.431.304
	<u>327.584.532.852</u>	<u>350.557.117.038</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi tỷ giá hối đoái và lãi suất.

##### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

##### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi không có kỳ hạn, các

khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.316.219.565	-	-	16.316.219.565
Phải thu khách hàng, phải thu khác	42.354.118.580	-	-	42.354.118.580
Các khoản cho vay	537.708.346.943	-	-	537.708.346.943
<b>Cộng</b>	<b>596.378.685.088</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>596.378.685.088</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.426.117.349	-	-	25.426.117.349
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36.253.218.668	1.450.999	-	36.254.669.667
Các khoản cho vay	515.724.930.555	-	-	515.724.930.555
<b>Cộng</b>	<b>577.404.266.572</b>	<b>1.450.999</b>	<b>-</b>	<b>577.405.717.571</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>				
Vay và nợ	22.793.678.236	91.174.712.944	184.728.715.581	298.697.106.761
Phải trả người bán, phải trả khác	24.652.550.156	535.119.905	-	25.187.670.061
Chi phí phải trả	3.699.756.030	-	-	3.699.756.030
	<b>51.145.984.422</b>	<b>91.709.832.849</b>	<b>184.728.715.581</b>	<b>327.584.532.852</b>



**Tại ngày 01/01/2019**

Vay và nợ	22.837.678.244	91.262.712.976	207.412.393.775	321.512.784.995
Phải trả người bán, phải trả khác	26.176.815.969	514.084.770	-	26.690.900.739
Chi phí phải trả	2.353.431.304	-	-	2.353.431.304
	<b>51.367.925.517</b>	<b>91.776.797.746</b>	<b>207.412.393.775</b>	<b>350.557.117.038</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

Toàn bộ số tiền vay đã trả trong năm phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ là tiền trả các khoản vay theo kế ước thông thường.

**37. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2019	Từ 01/07/2018
		VND	đến 31/12/2018 VND
<b>Cổ tức được chia</b>		<b>499.869.640</b>	-
Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh	Công ty liên kết	209.886.265	-
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	Công ty liên kết	289.983.375	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
<b>Phải thu khác</b>		-	<b>100.000.001</b>
Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh	Công ty liên kết	-	100.000.001

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Năm 2019	Từ 01/07/2018
		VND	đến 31/12/2018 VND
Thu nhập của Tổng giám đốc		507.088.500	369.343.752
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác		1.295.949.000	1.067.779.273

### 39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là Công ty cổ phần vào ngày 22/06/2018. Tuy nhiên, Công ty lập báo cáo cho giai đoạn chính thức chuyển sang Công ty cổ phần từ ngày 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018. Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Do vậy, số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không thể so sánh được với số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm nay.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

Bảng Cân đối kế toán	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22.815.678.244	5.984.000.000
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	298.697.106.751	315.528.784.995

Người lập biểu

Trần Thị Tuyết Ngọc

Kế toán trưởng

Bùi Hoàng Trường Vy



Tổng Giám đốc

Võ Quốc Trang

